

Số: 296 /QĐ-ĐHKT-CT-CTSV

Hà Nội, ngày 09 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v công nhận danh hiệu thi đua và khen thưởng
cho sinh viên hệ chính quy học kỳ II năm học 2024- 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học;

Căn cứ Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Thủ tướng Chính Phủ “Quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục”;

Căn cứ Quyết định số 181-CP ngày 17/9/1969 của Hội Đồng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kiến trúc;

Căn cứ Quyết định số 1436/QĐ-BXD ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường ĐH Kiến trúc HN; Quyết định số 1058/QĐ-BXD ngày 09/10/2023 của Bộ Xây dựng về việc bổ sung khoản 1 Điều 3 của Quyết định số 1436/QĐ-BXD ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường ĐH Kiến trúc HN;

Căn cứ Quyết định số 323/QĐ-ĐHKT-CTSV ngày 08/09/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội về việc “Ban hành Hướng dẫn thực hiện Quy chế công tác sinh viên trong đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Quyết định số 304/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 16/07/2021 của Hiệu trưởng Trường ĐH Kiến trúc HN về việc “Ban hành quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ Quyết định số 26/QĐ-ĐHKT-TCKT ngày 23/01/2025 của Hiệu trưởng Trường ĐH Kiến trúc về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường ĐH Kiến trúc Hà Nội;

Căn cứ Thông báo số 224/TB-ĐHKT-CT-CTSV ngày 29/8/2025 về việc xét thi đua, khen thưởng học kỳ II năm học 2024-2025 và xét cấp học bổng KKHT học kỳ I năm học 2025-2026;

Căn cứ kết quả cuộc họp xét thi đua khen thưởng và học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên của Hội đồng thi đua khen thưởng Trường ngày 08/10/2025;

Theo đề nghị của Ông Trưởng phòng Chính trị - Công tác Sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh hiệu thi đua và khen thưởng cho 1.463 sinh viên hệ chính quy có thành tích học tập và rèn luyện đạt loại Giỏi, Xuất sắc trong học kỳ II năm học 2024 - 2025 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Nguồn kinh phí lấy từ Quỹ học bổng khuyến khích học tập để thưởng cho 1.463 sinh viên với số tiền là: 654.200.000đ

(Bằng chữ: Sáu trăm năm mươi bốn triệu hai trăm ngàn đồng./.)

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các Ông (Bà) Trưởng các Phòng Chính trị - Công tác sinh viên, Đào tạo, Tài chính - Kế toán, Lãnh đạo các Khoa, Viện và những sinh viên có tên trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để biết)
- Như điều 3;
- Phòng CT-CTSV (đưa lên Cổng tin chỉ)
- Website;
- Lưu: VT, CT-CTSV.



DANH SÁCH SINH VIÊN KHOA KIẾN TRÚC

ĐẠT DANH HIỆU: KHẢ, GIỎI, XUẤT SẮC HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024 - 2025

(Kèm theo QĐ 296/QĐ-ĐHKT-CT-CTSV ngày 09 tháng 10 năm 2025)

Đơn vị tính: VNĐ

TT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐTB HK	ĐRL	SỐ TC	DANH HIỆU THI ĐUA		Ghi chú
							Xuất sắc	Giỏi	
1	2151010034	Phạm Nguyễn Tùng Chi	2021K+	3,87	100	15	600.000		
2	2151010097	Lê Thị Hà	2021K+	3,87	100	15	600.000		
3	2151010193	Nguyễn Trà Linh	2021K+	3,87	100	15	600.000		
4	2151010154	Dương Ngọc Huy	2021K+	3,73	100	15	600.000		
5	2151010405	Nguyễn Mỹ Ngân	2021K+	3,6	85	15		400.000	
6	2151010373	Vũ Ngọc Tuấn	2021K+	3,47	94	15		400.000	
7	2151010023	Vũ Thị Kim Anh	2021K+	3,33	100	15		400.000	
8	2151010266	Phạm Hoàng Nhi	2021K+	3,33	95	15		400.000	
9	2151010412	Trương Hoàng Anh	2021K+	3,33	89	15		400.000	
10	2151010400	Nguyễn Thị Thơm	2021K+	3,2	100	15		400.000	
11	2151010127	Ngô Huy Hoàng	2021K+	3,2	100	15		400.000	
12	2151010192	Nguyễn Thùy Linh	2021K+	3,2	99	15		400.000	
13	2151010210	Nguyễn Đức Mạnh	2021K+	3,2	94	15		400.000	
14	2151010010	Nguyễn Hải Anh	2021K+	3,2	91	15		400.000	
15	2151010413	Chu Hồng Lộc	2021K+	3,2	86	15		400.000	
16	2151010332	Lương Thế Thiện	2021K+	3,2	86	15		400.000	
17	2151010349	Vũ Thị Ngọc Trâm	2021K1	3,73	100	15	600.000		
18	2151010338	Tạ Thị Thanh Thu	2021K1	3,53	92	15		400.000	
19	2151010092	Nguyễn Hồng Hương Giang	2021K1	3,47	100	15		400.000	
20	2151010165	Nguyễn Thị Thanh Huyền	2021K1	3,33	100	15		400.000	
21	2151010195	Trần Thị Khánh Linh	2021K1	3,33	92	15		400.000	
22	2151010117	Nguyễn Minh Hiếu	2021K1	3,33	87	15		400.000	
23	2151010283	Phạm Hà Phương	2021K2	3,47	87	15		400.000	
24	2151010012	Nguyễn Thị Ngọc Anh	2021K2	3,33	100	15		400.000	
25	2151010251	Phạm Khánh Ngọc	2021K2	3,33	97	15		400.000	
26	2151010132	Hồ Minh Hồng	2021K2	3,33	88	15		400.000	
27	2151010427	Nguyễn Việt Linh	2021K3	3,87	94	15	600.000		
28	2151010167	Trần Diệu Huyền	2021K3	3,6	100	15	600.000		
29	2151010114	Ngô Xuân Hiếu	2021K3	3,6	100	15	600.000		
30	2151010162	Vương Hoàng Huy	2021K3	3,67	82	15		400.000	
31	2151010155	Lê Xuân Huy	2021K3	3,53	100	15		400.000	
32	2151010227	Đỗ Khánh Nam	2021K3	3,47	92	15		400.000	
33	2151010050	Nguyễn Huy Đạt	2021K3	3,4	90	15		400.000	
34	2151010209	Lương Đăng Mạnh	2021K3	3,4	82	15		400.000	
35	2151010328	Nguyễn Thị Phương Thảo	2021K3	3,27	97	15		400.000	
36	2151010061	Đặng Văn Đức	2021K3	3,27	97	15		400.000	
37	2151010035	Vũ Tuấn Chính	2021K3	3,27	84	15		400.000	
38	2151010203	Cao Ngọc Mai	2021K3	3,2	94	15		400.000	

TT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐTB HK	ĐRL	SỐ TC	DANH HIỆU THI ĐUA		Ghi chú
							Xuất sắc	Giỏi	
39	2151010016	Phạm Hoàng Anh	2021K3	3,2	92	15		400.000	
40	2151010156	Lưu Quang Huy	2021K4	3,33	89	15		400.000	
41	2151010379	Nguyễn Thị Tươi	2021K4	3,33	87	15		400.000	
42	2151010067	Nguyễn Minh Đức	2021K4	3,2	100	15		400.000	
43	2151010043	Phạm Hồng Đại	2021K4	3,2	92	15		400.000	
44	2151010189	Nguyễn Phan Nhật Linh	2021K5	3,47	95	15		400.000	
45	2151010112	Đặng Thế Hiếu	2021K5	3,47	94	15		400.000	
46	2151010075	Nguyễn Tấn Dũng	2021K5	3,47	89	15		400.000	
47	2151010141	Trung Việt Hùng	2021K5	3,33	95	15		400.000	
48	2151010110	Nguyễn Minh Hiệp	2021K5	3,33	89	15		400.000	
49	2151010042	Dương Ngọc Đại	2021K5	3,2	99	15		400.000	
50	2151010102	Nguyễn Thu Hằng	2021K5	3,2	84	15		400.000	
51	2151010407	Tạ Dương Huy	2021K6	3,73	100	15	600.000		
52	2151010254	Phí Thái Khôi Nguyên	2021K6	3,47	100	15		400.000	
53	2151010126	Lò Việt Hoàng	2021K6	3,47	97	15		400.000	
54	2151010206	Nguyễn Thị Phương Mai	2021K6	3,2	97	15		400.000	
55	2151010240	Vũ Tuấn Nam	2021K6	3,2	95	15		400.000	
56	2151010184	Phạm Thị Hương Lan	2021K6	3,2	94	15		400.000	
57	2151010401	Đào Phan Minh Châu	2021K6	3,2	94	15		400.000	
58	2151010190	Nguyễn Thị Khánh Linh	2021K6	3,2	88	15		400.000	
59	2151010136	Ngô Ứng Hùng	2021K6	3,2	82	15		400.000	
60	2151010275	Tạ Văn Phong	2021K6	3,2	81	15		400.000	
61	2251010243	Lương Hồng Ngọc	2022K+	3,89	99	18	600.000		
62	2251010161	Dương Hà Kim	2022K+	3,67	100	18	600.000		
63	2251010216	Lê Hồng Minh	2022K+	3,61	100	18	600.000		
64	2251010354	Phạm Huyền Trang	2022K+	3,5	97	18		400.000	
65	2251010264	Phạm Kiều Oanh	2022K+	3,5	82	18		400.000	
66	2251010379	Nguyễn Hoàng Vũ	2022K+	3,44	89	18		400.000	
67	2251010001	Lê Duy An	2022K+	3,39	97	18		400.000	
68	2251010371	Lê Đức Việt	2022K+	3,39	92	18		400.000	
69	2251010310	Nguyễn Anh Tú	2022K1	3,67	94	18	600.000		
70	2251010162	Đào Công Kỳ	2022K1	3,33	81	18		400.000	
71	2251010142	Nguyễn Việt Huy	2022K1	3,28	100	18		400.000	
72	2251010068	Tạ Minh Duy	2022K1	3,28	84	18		400.000	
73	2251010290	Khương Nhất Quyền	2022K2	3,67	97	18	600.000		
74	2251010271	Nguyễn Văn Phúc	2022K2	3,61	100	18	600.000		
75	2251010110	Trần Khánh Hiệp	2022K2	3,5	100	18		400.000	
76	2251010138	Lê Thế Huy	2022K3	3,44	87	18		400.000	
77	2251010004	Trần Thị Thái An	2022K3	3,28	92	18		400.000	
78	2251010352	Nguyễn Thị Trang	2022K3	3,22	86	18		400.000	
79	2251010309	Ninh Đình Tú	2022K4	3,89	90	18	600.000		
80	2251010286	Nguyễn Ngọc Quân	2022K4	3,61	100	18	600.000		

ANL

TT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐTB HK	ĐRL	SỐ TC	ĐANH HIỆU THI ĐUA		Ghi chú
							Xuất sắc	Giỏi	
81	2251010095	Nguyễn Ngọc Hà	2022K4	3,61	100	18	600.000		
82	2251010279	Hoàng Minh Quang	2022K4	3,39	94	18		400.000	
83	2251010306	Trương Minh Tân	2022K4	3,39	87	18		400.000	
84	2251010148	Nguyễn Thị Khánh Huyền	2022K4	3,33	94	18		400.000	
85	2251010383	Nguyễn Quốc Vượng	2022K4	3,22	82	18		400.000	
86	2251010206	Nguyễn Phương Mai	2022K5	3,89	100	18	600.000		
87	2251010096	Nguyễn Thị Hồng Hà	2022K5	3,78	100	18	600.000		
88	2251010287	Phạm Đình Anh Quân	2022K5	3,72	94	18	600.000		
89	2251010035	Trịnh Xuân Bách	2022K5	3,67	97	18	600.000		
90	2251010347	Nguyễn Thị Hoài Thương	2022K5	3,56	100	18		400.000	
91	2251010102	Hoàng Minh Hằng	2022K5	3,44	87	18		400.000	
92	2251010378	Thân Thị Vinh	2022K5	3,33	97	18		400.000	
93	2251010389	Vũ Hương Quỳnh	2022K6	3,67	100	18	600.000		
94	2251010188	Nguyễn Thảo Linh	2022K6	3,56	100	18		400.000	
95	2251010089	Nguyễn Thị Hương Giang	2022K6	3,56	98	18		400.000	
96	2251010057	Cao Thị Huyền Diễm	2022K6	3,5	100	18		400.000	
97	2351010051	Dương Ngọc Bích	2023K+	3,82	95	17	600.000		
98	2351010355	Lương Minh Thương	2023K+	3,76	95	17	600.000		
99	2351010372	Nguyễn Hà Vi	2023K+	3,71	89	17		400.000	
100	2351010016	Nguyễn Diệp Anh	2023K+	3,65	89	17		400.000	
101	2351010300	Huỳnh Minh Quốc	2023K+	3,53	100	17		400.000	
102	2351010091	Lê Thùy Dương	2023K+	3,53	93	17		400.000	
103	2351010288	Vương Quỳnh Phương	2023K+	3,41	92	17		400.000	
104	2351010162	Vũ Phương Huyền	2023K+	3,41	87	17		400.000	
105	2351010305	Hoàng Thị Quỳnh	2023K+	3,35	98	17		400.000	
106	2351010125	Dương Minh Hậu	2023K+	3,24	90	17		400.000	
107	2351010033	Trần Phương Anh	2023K+	3,24	80	17		400.000	
108	2351010181	Lê Nguyễn Duy Khánh	2023K1	3,35	83	17		400.000	
109	2351010254	Hoàng Thanh Nga	2023K1	3,24	97	17		400.000	
110	2351010336	Tường Hương Thảo	2023K1	3,24	92	17		400.000	
111	2351010211	Bùi Đức Long	2023K1	3,24	84	17		400.000	
112	2351010018	Nguyễn Đức Anh	2023K2	3,53	93	17		400.000	
113	2351010190	Nguyễn Ngọc Lan	2023K2	3,47	88	17		400.000	
114	2351010245	Trần Bình Minh	2023K2	3,41	100	17		400.000	
115	2351010212	Hoàng Hải Long	2023K2	3,41	98	17		400.000	
116	2351010218	Trần Đức Long	2023K2	3,35	88	17		400.000	
117	2351010076	Ngô Đức Duẩn	2023K3	3,59	85	17		400.000	
118	2351010014	Lê Tuấn Anh	2023K3	3,59	81	17		400.000	
119	2351010296	Lê Văn Anh Quân	2023K3	3,53	98	17		400.000	
120	2351010206	Trịnh Diệu Linh	2023K3	3,41	99	17		400.000	
121	2351010087	Võ Mạnh Duy	2023K3	3,41	90	17		400.000	
122	2351010149	Nguyễn Quang Huy	2023K3	3,29	82	17		400.000	
123	2351010191	Nguyễn Trần Bảo Lâm	2023K3	3,24	92	17		400.000	

TT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐTB HK	ĐRL	SỐ TC	DANH HIỆU THI ĐUA		Ghi chú
							Xuất sắc	Giỏi	
124	2351010214	Mai Thành Long	2023K4	3,82	94	17	600.000		
125	2351010067	Đặng Đức Chính	2023K4	3,59	98	17		400.000	
126	2351010401	Ngô Phương Linh	2023K4	3,59	93	17		400.000	
127	2351010269	Nguyễn Duy Nhân	2023K4	3,53	98	17		400.000	
128	2351010113	Võ Trọng Đức	2023K4	3,41	93	17		400.000	
129	2351010060	Vy Tuấn Cường	2023K4	3,41	92	17		400.000	
130	2351010030	Phạm Vũ Duy Anh	2023K4	3,41	92	17		400.000	
131	2351010316	Nguyễn Xuân Tiến	2023K4	3,35	92	17		400.000	
132	2351010359	Vũ Thu Trang	2023K4	3,29	98	17		400.000	
133	2351010052	Nguyễn Văn Bình	2023K4	3,29	97	17		400.000	
134	2351010276	Nguyễn Hồng Phong	2023K4	3,24	87	17		400.000	
135	2351010317	Vũ Viết Tiến	2023K5	3,65	82	17		400.000	
136	2351010291	Nông Thanh Ngọc Quang	2023K5	3,47	92	17		400.000	
137	2351010137	Bùi Mạnh Hùng	2023K5	3,41	92	17		400.000	
138	2351010072	Nguyễn Thị Dịu	2023K5	3,35	85	17		400.000	
139	2351010366	Đào Quang Trung	2023K5	3,29	93	17		400.000	
140	2351010151	Nguyễn Quốc Huy	2023K5	3,29	83	17		400.000	
141	2351010039	Bùi Thị Ngọc Ánh	2023K6	3,65	94	17	600.000		
142	2351010188	Nguyễn Thị Thanh Lam	2023K6	3,59	95	17		400.000	
143	2351010054	Trần Cát	2023K6	3,59	88	17		400.000	
144	2351010182	Nguyễn Nam Khánh	2023K6	3,59	87	17		400.000	
145	2351010292	Giáp Minh Quân	2023K6	3,35	100	17		400.000	
146	2351010279	Đinh Hồng Phúc	2023K6	3,29	88	17		400.000	
147	2351010403	Nguyễn Trọng Nghĩa	2023K6	3,24	100	17		400.000	
148	2351010409	Trần Thị Khánh Linh	2023K6	3,24	80	17		400.000	
149	2451010164	Vũ Gia Huy	2024K+	3,78	99	18	600.000		
150	2451010246	Nguyễn Hà Khánh Ly	2024K+	3,61	89	18		400.000	
151	2451010301	Phạm Lê Yến Nhi	2024K+	3,61	84	18		400.000	
152	2451010148	Vũ Hoàng	2024K+	3,5	94	18		400.000	
153	2451010001	Lê Vũ Bình An	2024K+	3,5	89	18		400.000	
154	2451010358	Phùng Hải Thành	2024K+	3,44	99	18		400.000	
155	2451010391	Ngô Bảo Trân	2024K+	3,44	99	18		400.000	
156	2451010065	Nguyễn Minh Chí	2024K+	3,33	99	18		400.000	
157	2451010060	Nhữ Thị Minh Châu	2024K+	3,33	99	18		400.000	
158	2451010283	Ngô Bá Nghĩa	2024K+	3,33	89	18		400.000	
159	2451010354	Nguyễn Thị Kim Tuyến	2024K+	3,33	84	18		400.000	
160	2451010414	Đặng Đình Vượng	2024K+	3,22	99	18		400.000	
161	2451010133	Nguyễn Đức Hiếu	2024K+	3,22	95	18		400.000	
162	2451010033	Phí Minh Anh	2024K+	3,22	89	18		400.000	
163	2451010003	Nguyễn Nhật An	2024K1	3,56	92	18		400.000	
164	2451010307	Lê Đắc Phong	2024K1	3,56	92	18		400.000	
165	2451010221	Cao Phương Linh	2024K1	3,39	84	18		400.000	

Ad

TT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐTB HK	ĐRL	SỐ TC	DANH HIỆU THI ĐUA		Ghi chú
							Xuất sắc	Giỏi	
166	2451010281	Bùi Minh Nghĩa	2024K1	3,33	97	18		400.000	
167	2451010162	Nguyễn Quốc Huy	2024K1	3,28	87	18		400.000	
168	2451010293	Nguyễn Minh Nguyệt	2024K1	3,22	100	18		400.000	
169	2451010017	Hoàng Thảo Anh	2024K2	4	100	18	600.000		
170	2451010250	Tạ Xuân Mai	2024K2	4	100	18	600.000		
171	2451010147	Trần Trọng Hoàng	2024K2	3,89	95	18	600.000		
172	2451010222	Đào Thị Phương Linh	2024K2	3,83	95	18	600.000		
173	2451010350	Đào Trọng Tuấn	2024K2	3,83	93	18	600.000		
174	2451010010	Đinh Trần Diệu Anh	2024K2	3,61	90	18	600.000		
175	2451010184	Tô Lan Hương	2024K2	3,56	94	18		400.000	
176	2451010404	Ngô Thị Vân	2024K2	3,56	93	18		400.000	
177	2451010228	Nguyễn Huyền Linh	2024K2	3,56	90	18		400.000	
178	2451010382	Nguyễn Hải Trang	2024K2	3,56	82	18		400.000	
179	2451010420	Nguyễn Hà Yến	2024K2	3,5	90	18		400.000	
180	2451010294	Đào Thị Thanh Nhân	2024K2	3,5	83	18		400.000	
181	2451010416	Nguyễn Như Ý	2024K2	3,44	87	18		400.000	
182	2451010376	Nguyễn Sông Thương	2024K2	3,33	87	18		400.000	
183	2451010270	Nguyễn Huyền My	2024K2	3,33	82	18		400.000	
184	2451010084	Cao Thùy Dương	2024K2	3,28	92	18		400.000	
185	2451010045	Nguyễn Gia Bảo	2024K2	3,28	82	18		400.000	
186	2451010024	Nguyễn Minh Anh	2024K2	3,22	92	18		400.000	
187	2451010257	Đoàn Quang Minh	2024K3	3,72	100	18	600.000		
188	2451010085	Đỗ Vũ Thủy Dương	2024K3	3,56	97	18		400.000	
189	2451010364	Hoàng Văn Thắng	2024K3	3,5	82	18		400.000	
190	2451010236	Phan Hà Linh	2024K3	3,44	92	18		400.000	
191	2451010210	Nguyễn Nhượng Lam	2024K3	3,44	92	18		400.000	
192	2451010271	Đới Sỹ Nam	2024K3	3,44	92	18		400.000	
193	2451010150	Nguyễn Thị Huệ	2024K3	3,44	92	18		400.000	
194	2451010172	Phan Khánh Huyền	2024K3	3,39	97	18		400.000	
195	2451010064	Nguyễn Vũ Yến Chi	2024K3	3,33	92	18		400.000	
196	2451010071	Ngô Mạnh Dũng	2024K3	3,33	92	18		400.000	
197	2451010417	Nguyễn Như Ý	2024K3	3,33	89	18		400.000	
198	2451010317	Nguyễn Hà Phương	2024K3	3,33	87	18		400.000	
199	2451010393	Lương Quốc Trọng	2024K4	3,83	100	18	600.000		
200	2451010359	Thào Trần Thành	2024K4	3,83	92	18	600.000		
201	2451010078	Hoàng Đức Duy	2024K4	3,78	94	18	600.000		
202	2451010385	Phạm Thị Thùy Trang	2024K4	3,67	100	18	600.000		
203	2451010180	Bùi Thị Lan Hương	2024K4	3,67	94	18	600.000		
204	2451010026	Nguyễn Thị Châu Anh	2024K4	3,67	94	18	600.000		
205	2451010050	Đỗ Thanh Cúc	2024K4	3,61	92	18	600.000		
206	2451010237	Tạ Khánh Linh	2024K4	3,5	93	18		400.000	
207	2451010166	Bùi Thị Huyền	2024K4	3,44	89	18		400.000	
208	2451010114	Bùi Ngọc Hà	2024K4	3,44	87	18		400.000	

TT	MA SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐTB HK	ĐRL	SỐ TC	DANH HIỆU THI ĐUA		Ghi chú
							Xuất sắc	Giỏi	
209	2451010266	Nguyễn Nhật Minh	2024K4	3,39	100	18		400.000	
210	2451010371	Hà Thanh Thủy	2024K4	3,39	92	18		400.000	
211	2451010340	Trần Trọng Tấn	2024K4	3,39	92	18		400.000	
212	2451010332	Nguyễn Đình Sơn	2024K4	3,33	91	18		400.000	
213	2451010127	Đặng Trung Hiếu	2024K4	3,33	87	18		400.000	
214	2451010092	Hoàng Sỹ Đại	2024K4	3,33	87	18		400.000	
215	2451010143	Nguyễn Phan Hoàng	2024K4	3,28	97	18		400.000	
216	2451010141	Nguyễn Bá Hoàng	2024K4	3,28	92	18		400.000	
217	2451010352	Phan Thanh Tuấn	2024K4	3,28	87	18		400.000	
218	2451010151	Đinh Tuấn Hùng	2024K4	3,22	87	18		400.000	
219	2451010073	Nguyễn Tiến Dũng	2024K5	3,78	100	18	600.000		
220	2451010212	Ngô Quỳnh Lan	2024K5	3,78	100	18	600.000		
221	2451010058	Nguyễn Việt Cường	2024K5	3,72	100	18	600.000		
222	2451010291	Khuất Thị Minh Nguyệt	2024K5	3,61	100	18	600.000		
223	2451010244	Đỗ Văn Luân	2024K5	3,61	100	18	600.000		
224	2451010372	Nguyễn Phương Thúy	2024K5	3,61	89	18		400.000	
225	2451010066	Lê An Chinh	2024K5	3,5	100	18		400.000	
226	2451010193	Vương Sỹ Kương	2024K5	3,5	100	18		400.000	
227	2451010013	Đỗ Quỳnh Anh	2024K5	3,39	100	18		400.000	
228	2451010327	Lê Thị Quỳnh	2024K5	3,39	89	18		400.000	
229	2451010304	Nguyễn Thị Nhung	2024K5	3,33	100	18		400.000	
230	2451010297	Đỗ Bảo Nhi	2024K5	3,28	100	18		400.000	
231	2451010155	Đỗ Phạm Quang Huy	2024K5	3,28	100	18		400.000	
232	2451010360	Đỗ Phương Thảo	2024K5	3,22	100	18		400.000	
233	2451010309	Phạm Tô Kỳ Phong	2024K5	3,22	100	18		400.000	
234	2451010347	Lã Tuấn Tú	2024K5	3,22	99	18		400.000	
235	2451010400	Nguyễn Hoàng Thu Uyên	2024K5	3,22	91	18		400.000	
236	2451010168	Nguyễn Diệu Huyền	2024K6	3,78	90	18	600.000		
237	2451010384	Nguyễn Thùy Trang	2024K6	3,61	99	18	600.000		
238	2451010418	Bùi Hoàng YẾN	2024K6	3,56	100	18		400.000	
239	2451010213	Trần Thị Ngọc Lan	2024K6	3,56	100	18		400.000	
240	2451010387	Phí Thu Trang	2024K6	3,56	98	18		400.000	
241	2451010401	Nguyễn Thị Phương Uyên	2024K6	3,5	82	18		400.000	
242	2451010334	Phạm Ngọc Sơn	2024K6	3,44	82	18		400.000	
243	2451010361	Hà Như Thảo	2024K6	3,39	97	18		400.000	
244	2451010074	Trần Anh Dũng	2024K6	3,39	88	18		400.000	
245	2451010298	Nguyễn Ngọc Bảo Nhi	2024K6	3,33	87	18		400.000	
246	2451010028	Nguyễn Thị Phương Anh	2024K6	3,22	87	18		400.000	
		Số tiền					29.400.000	78.800.000	
		Số sinh viên					49	197	
		Tổng tiền					108.200.000		

Bảng chữ: Một trăm lẻ tám triệu hai trăm ngàn đồng./.

Ans



DANH SÁCH SINH VIÊN KHOA QUY HOẠCH ĐÔ THỊ - NÔNG THÔN
ĐẠT DANH HIỆU: KHÁ, GIỎI, XUẤT SẮC HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024 - 2025
(Kèm theo QĐ 296/QĐ-ĐHKT-CT-CTSV ngày 09 tháng 10 năm 2025)

Đơn vị tính: VNĐ

TT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐTBCHK	ĐRL	SỐ TC	DANH HIỆU THI ĐUA		Ghi chú
							Xuất sắc	Giỏi	
1	2152010026	Trần Thị Trà My	2021KTCQ	3.79	95	19	600.000		
2	2152010034	Lê Anh Quân	2021KTCQ	3.58	100	19		400.000	
3	2152010001	Phạm Quang An	2021KTCQ	3.26	94	19		400.000	
4	2151020154	Lê Hương Thảo	2021Q1	3,56	100	18		400.000	
5	2151020010	Nguyễn Phương Anh	2021Q1	3,44	94	18		400.000	
6	2151020058	Nguyễn Thị Hiền	2021Q1	3,39	100	18		400.000	
7	2151020106	Nguyễn Thị Hà My	2021Q1	3,33	94	18		400.000	
8	2151020034	Nguyễn Tiến Đạt	2021Q1	3,28	99	18		400.000	
9	2151020041	Ngô Việt Dũng	2021Q2	3,78	100	18	600.000		
10	2151020023	Nguyễn Thị Bình	2021Q2	3,67	100	18	600.000		
11	2151020104	Trần Hà Minh	2021Q2	3,61	100	18	600.000		
12	2151020032	Bùi Thành Đạt	2021Q2	3,39	100	18		400.000	
13	2151020005	Lê Mỹ Vân Anh	2021Q2	3,39	100	18		400.000	
14	2151020134	Cao Ngọc Sơn	2021Q2	3,39	100	18		400.000	
15	2151020044	Phí Sơn Dương	2021Q2	3,33	100	18		400.000	
16	2151020080	Đào Văn Khánh	2021Q2	3,22	92	18		400.000	
17	2151020036	Nguyễn Tiến Đạt	2021Q3	3,72	100	18	600.000		
18	2151020105	Nguyễn Diệu My	2021Q3	3,67	100	18	600.000		
19	2151020090	Nguyễn Hải Linh	2021Q3	3,61	100	18	600.000		
20	2151020030	Hoàng Ngọc Cường	2021Q3	3,56	100	18		400.000	
21	2151020012	Nguyễn Tuấn Anh	2021Q3	3,56	100	18		400.000	
22	2151020141	Đoàn Minh Tâm	2021Q3	3,39	87	18		400.000	
23	2151020009	Nguyễn Ngọc Anh	2021Q3	3,33	100	18		400.000	
24	2151020024	Phạm Lê Tùng Chi	2021Q3	3,22	97	18		400.000	
25	2151020048	Đào Thị Duyên	2021Q3	3,22	88	18		400.000	
26	2156040008	Nguyễn Thị Quỳnh Chi	2021UD	3.88	100	17	600000		
27	2156040056	Trần Hạnh Nhi	2021UD	3.88	100	17	600000		
28	2156040039	Tô Thành Luân	2021UD	3.65	100	17	600000		
29	2156040036	Trần Thị Là	2021UD	3.65	100	17	600000		
30	2156040058	Phạm Ngọc Quỳnh Phươ	2021UD	3.53	93	17		400.000	
31	2156040062	Nguyễn Nam Sơn	2021UD	3.41	100	17		400.000	
32	2156040021	Bùi Thị Duyên	2021UD	3.41	100	17		400.000	
33	2156040040	Nguyễn Quỳnh Mai	2021UD	3.41	95	17		400.000	
34	2252010049	Nguyễn Thị Sim	2022CQ	4	80	19		400.000	

Am

TT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐTB HK	ĐRL	SỐ TC	DANH HIỆU THI ĐUA		Ghi chú
							Xuất sắc	Giỏi	
35	2251020079	Trịnh Xuân Phong	2022Q1	3.56	100	18		400.000	
36	2251020029	Nghiêm Minh Đức	2022Q1	3.56	100	18		400.000	
37	2251020111	Dương Huyền Trang	2022Q1	3.44	100	18		400.000	
38	2251020073	Dương Ánh Minh Nguyễn	2022Q1	3.44	92	18		400.000	
39	2251020067	Nguyễn Tuấn Mạnh	2022Q1	3.28	85	18		400.000	
40	2251020075	Nguyễn Thị Linh Nhi	2022Q1	3.22	86	18		400.000	
41	2251020109	Lê Thu Thủy	2022Q1	3.22	81	18		400.000	
42	2251020046	Nguyễn Thị Thanh Huyền	2022Q2	3.78	100	18	600.000		
43	2251020082	Đào Minh Quang	2022Q2	3.56	100	18		400.000	
44	2251020014	Trần Tuyết Băng	2022Q2	3.56	100	18		400.000	
45	2251020058	Nguyễn Văn Khánh	2022Q2	3.44	100	18		400.000	
46	2251020012	Vũ Phong Bắc	2022Q2	3.33	86	18		400.000	
47	2251020060	Nguyễn Thị Vân Linh	2022Q2	3.28	95	18		400.000	
48	2251020056	Nguyễn Đức Khải	2022Q2	3.28	85	18		400.000	
49	2251020078	Hoàng Công Phi	2022Q2	3.28	85	18		400.000	
50	2251020010	Phan Đình Bảo	2022Q2	3.22	100	18		400.000	
51	2256040023	Nguyễn Mai Hương	2022UD	3.68	100	19	600.000		
52	2256040007	Nguyễn Duy Bách	2022UD	3.47	97	19		400.000	
53	2256040028	Nguyễn Ngọc Mai	2022UD	3.37	99	19		400.000	
54	2352010048	Vũ Mạnh Tuấn	2023CQ	3.9	100	21	600.000		
55	2352010059	Nguyễn Thành Nam	2023CQ	3.7	100	21	600.000		
56	2352010001	Dương Thùy An	2023CQ	3.55	100	21		400.000	
57	2352010053	Nguyễn Thị Thanh Trúc	2023CQ	3.5	100	21		400.000	
58	2352010026	Phạm Thị Minh Khánh	2023CQ	3.4	95	21		400.000	
59	2352010034	Bùi Thị Trà My	2023CQ	3.35	99	21		400.000	
60	2352010013	Nguyễn Hoàng Đức	2023CQ	3.3	99	21		400.000	
61	2352010050	Nguyễn Mạnh Thương	2023CQ	3.2	80	21		400.000	
62	2351020041	Nguyễn Việt Hoàng	2023Q1	3.47	92	18		400.000	
63	2351020031	Trần Minh Đức	2023Q1	3.29	100	18		400.000	
64	2351020101	Hoàng Sơn Tùng	2023Q1	3.29	93	18		400.000	
65	2351020102	Nguyễn Phú Thái	2023Q2	3.65	98	18	600.000		
66	2356040042	Hoàng Lê Bảo Trân	2023UD	3.56	95	19		400.000	
67	2356040023	Vũ Ngọc Linh	2023UD	3.56	90	19		400.000	
68	2356040018	Nguyễn Thị Phương Lan	2023UD	3.56	90	19		400.000	
69	2356040013	Nguyễn Việt Hoàng	2023UD	3.5	99	19		400.000	
70	2356040029	Lê Minh Nguyệt	2023UD	3.44	87	19		400.000	
71	2356040011	Lê Thị Hải	2023UD	3.33	84	19		400.000	
72	2356040037	Nguyễn Quang Tùng	2023UD	3.28	99	19		400.000	

TT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐTB HK	ĐRL	SỐ TC	DANH HIỆU THI ĐUA		Ghi chú
							Xuất sắc	Giỏi	
73	2356040006	Phan Văn Công	2023UD	3.22	91	19		400.000	
74	2356040005	Phạm Hoàng Ngọc Ánh	2023UD	3.2	84	16		400.000	
75	2452010023	Vũ Thị Thu Hằng	2024CQ	3.6	100	23	600.000		
76	2452010059	Nguyễn Minh Thư	2024CQ	3.53	100	23		400.000	
77	2452010007	Phạm Hà Anh	2024CQ	3.4	99	23		400.000	
78	2452010041	Nguyễn Thị Hải Ngân	2024CQ	3.27	95	23		400.000	
79	2451020045	Nguyễn Thu Huyền	2024Q1	4	100	19	600.000		
80	2451020059	Trịnh Khải Lâm	2024Q1	3.76	100	19	600.000		
81	2451020055	Nguyễn Văn Khánh	2024Q1	3.59	100	19		400.000	
82	2451020073	Nguyễn Thị Trà Mi	2024Q1	3.59	95	19		400.000	
83	2451020065	Vũ Khánh Linh	2024Q1	3.53	82	19		400.000	
84	2451020105	Nguyễn Thị Thanh Thủy	2024Q1	3.47	99	19		400.000	
85	2451020083	Dương Thị Kim Oanh	2024Q1	3.47	83	19		400.000	
86	2451020061	Hoàng Nhật Linh	2024Q1	3.35	93	19		400.000	
87	2451020029	Nguyễn Ngọc Hà	2024Q1	3.29	100	19		400.000	
88	2451020101	Nguyễn Thu Thảo	2024Q1	3.29	85	19		400.000	
89	2451020038	Nguyễn Mạnh Hùng	2024Q2	3.65	100	19	600.000		
90	2451020028	Nguyễn Thị Hương Gian	2024Q2	3.47	84	19		400.000	
91	2451020014	Trần Tiến Dân	2024Q2	3.41	100	19		400.000	
92	2451020020	Lê Thanh Dương	2024Q2	3.41	99	19		400.000	
93	2451020074	Đào Tuấn Minh	2024Q2	3.29	94	19		400.000	
94	2456040040	Nguyễn Phương Thảo	2024UD	3.6	100	23	600.000		
95	2456040004	Ngô Mai Anh	2024UD	3.47	92	23		400.000	
96	2456040008	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	2024UD	3.4	97	23		400.000	
97	2456040007	Trần Bảo Anh	2024UD	3.27	100	23		400.000	
		Số tiền					12.600.000	30.400.000	
		Số sinh viên					21	76	
		Tổng tiền					43.000.000		
(Bằng chữ: Bốn mươi ba triệu đồng./.)									

Acc



DANH SÁCH SINH VIÊN KHOA XÂY DỰNG

ĐẠT DANH HIỆU: KHÁ, GIỎI, XUẤT SẮC HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024 - 2025

(Kèm theo QĐ 296/QĐ-ĐHKT-CT-CTSV ngày 09 tháng 10 năm 2025)

Đơn vị tính: VNĐ

TT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐTB HK	ĐRL	SỐ TC	DANH HIỆU THI ĐUA		Ghi chú
							Xuất sắc	Giỏi	
1	2151090052	Bùi Sỹ Thành	2021VL	3,25	85	16		400.000	
2	2151030222	Phạm Công Vinh	2021X+	4	100	14	600.000		
3	2151030067	Nguyễn Thị Hạnh	2021X+	4	100	14	600.000		
4	2151030197	Đình Quốc Thắng	2021X+	3,93	100	14	600.000		
5	2151030068	Vũ Thị Hạnh	2021X+	3,93	100	14	600.000		
6	2151030101	Phạm Văn Hưng	2021X+	3,86	95	14	600.000		
7	2151030039	Bùi Văn Dương	2021X+	3,86	95	14	600.000		
8	2151030219	Trần Hoàng Việt	2021X+	3,79	100	14	600.000		
9	2151030187	Nguyễn Công Thái	2021X+	3,79	95	14	600.000		
10	2151030195	Nguyễn Văn Thành	2021X+	3,71	90	14	600.000		
11	2151030023	Kiều Việt Bách	2021X+	3,71	85	14		400.000	
12	2151030037	Nguyễn Tiến Dũng	2021X+	3,64	89	14		400.000	
13	2151030077	Lương Quốc Hòa	2021X+	3,57	95	14		400.000	
14	2151030148	Hoàng Hữu Nghĩa	2021X+	3,57	95	14		400.000	
15	2151030093	Nguyễn Bảo Huy	2021X+	3,57	90	14		400.000	
16	2151030178	Đào Đăng Toàn	2021X+	3,57	85	14		400.000	
17	2151030175	Vy Minh Tâm	2021X+	3,29	89	14		400.000	
18	2151030050	Trần Trọng Đạt	2021X+	3,21	84	14		400.000	
19	2151030095	Phạm Quang Huy	2021X1	4	100	14	600.000		
20	2151030161	Đỗ Hồng Quân	2021X1	3,5	100	14		400.000	
21	2151030196	Vũ Quang Thành	2021X1	3,5	85	14		400.000	
22	2151030073	Lê Đức Hiếu	2021X1	3,21	97	14		400.000	
23	2151030016	Quách Lê Anh	2021X2	4	100	14	600.000		
24	2151030143	Nguyễn Văn Nam	2021X2	4	100	14	600.000		
25	2151030013	Nguyễn Hoàng Anh	2021X2	3,93	100	14	600.000		
26	2151030192	Thanh	2021X2	3,64	100	14	600.000		
27	2151030112	Nguyễn Đắc Khánh	2021X2	3,64	85	14		400.000	
28	2151030122	Lê Hải Linh	2021X2	3,5	100	14		400.000	
29	2151030014	Nguyễn Tuấn Anh	2021X3	4	95	14	600.000		
30	2151030186	Nguyễn Duy Tuyền	2021X3	3,86	100	14	600.000		
31	2151030010	Nguyễn Đình Anh	2021X3	3,64	84	14		400.000	
32	2151030071	Đỗ Văn Hiếu	2021X3	3,5	89	14		400.000	
33	2151030165	Lê Việt Quốc	2021X3	3,29	89	14		400.000	
34	2151030057	Nguyễn Văn Đức	2021X3	3,29	80	14		400.000	
35	2156020079	Phạm Thị Hồng Ngọc	2021DA1	4	100	14	600.000		
36	2156020001	Đặng Nguyên Bình	2021DA1	3,57	85	14		400.000	
37	2156020017	Trần Ngọc Thành	2021DA1	3,57	84	14		400.000	
38	2156020082	Lê Mai Phương	2021DA1	3,43	90	14		400.000	

Anh

TT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐTB HK	ĐRL	SỐ TC	DANH HIỆU THI ĐUA		Ghi chú
							Xuất sắc	Giỏi	
39	2156020064	Phan Bá Khuê	2021DA1	3,43	90	14		400.000	
40	2156020101	Đinh Gia Kiên	2021DA1	3,43	84	14		400.000	
41	2156020053	Phạm Đình Hùng	2021DA2	3,86	95	14	600.000		
42	2156020159	Nguyễn Quang Linh	2021DA2	3,86	90	14	600.000		
43	2156020044	Nguyễn Hương Giang	2021DA2	3,71	100	14	600.000		
44	2156020077	Phan Thị Ngân	2021DA2	3,71	84	14		400.000	
45	2156020109	Lý Nhật Minh	2021DA2	3,71	80	14		400.000	
46	2156020135	Lê Mạnh Quang	2021DA2	3,57	80	14		400.000	
47	2156020083	Nguyễn Ngọc Phương	2021DA2	3,43	80	14		400.000	
48	2156020127	Phạm Phương Nga	2021DA3	3,86	95	14	600.000		
49	2156020081	Tạ Thị Kim Oanh	2021DA3	3,71	85	14		400.000	
50	2251090014	Trần Quốc Đạt	2022VL	3,31	80	19		400.000	
51	2251030050	Đỗ Thái Dương	2022X+	4	95	21	600.000		
52	2251030184	Trần Văn Sỹ	2022X+	3,89	90	21	600.000		
53	2251030079	Trần Đức Hậu	2022X+	3,61	95	21	600.000		
54	2251030210	Phạm Thị Trinh	2022X+	3,83	85	21		400.000	
55	2251030005	Dương Tuấn Anh	2022X+	3,56	90	21		400.000	
56	2251030160	Đặng Hồng Nhung	2022X+	3,56	80	21		400.000	
57	2251030090	Nguyễn Thị Hoa	2022X+	3,5	90	21		400.000	
58	2251030127	Đặng Thị Thùy Linh	2022X+	3,33	85	21		400.000	
59	2251030146	Phạm Quang Minh	2022X+	3,28	92	21		400.000	
60	2251030051	Lê Anh Dương	2022X+	3,28	84	21		400.000	
61	2251030077	Phùng Minh Hằng	2022X+	3,22	95	21		400.000	
62	2251030202	Nguyễn Xuân Thiện	2022X+	3,22	80	21		400.000	
63	2251030001	Phan Nguyễn Thiên An	2022X1	3,61	95	21	600.000		
64	2251030099	Phan Minh Huân	2022X1	3,39	80	21		400.000	
65	2251030107	Phạm Quang Huy	2022X2	3,67	85	21		400.000	
66	2251030174	Nguyễn Văn Quý	2022X2	3,39	80	21		400.000	
67	2251030165	Nguyễn Duy Phương	2022X2	3,33	80	21		400.000	
68	2251030046	Trương Đắc Dũng	2022X3	3,28	95	21		400.000	
69	2251070011	Trần Tiến Đạt	2022XN	3,67	85	21		400.000	
70	2256020085	Nguyễn Thị Phương	2022DA1	3,89	100	22	600.000		
71	2256020039	Ngô Thị Hà	2022DA1	3,47	80	22		400.000	
72	2256020047	Đỗ Việt Lê Huy	2022DA1	3,37	82	22		400.000	
73	2256020048	Ngô Gia Huy	2022DA2	3,42	93	22		400.000	
74	2256020100	Nguyễn Văn Tuấn	2022DA2	3,37	87	22		400.000	
75	2256020104	Quách Phương Thảo	2022DA2	3,37	85	22		400.000	
76	2351090016	Nguyễn Thị Hoa	2023VL	3,35	100	20		400.000	
77	2351030128	Nguyễn Duy Luân	2023X+	3,71	90	21	600.000		
78	2351030047	Hoàng Văn Duy	2023X+	3,67	90	21	600.000		
79	2351030061	Đoàn Huy Đăng	2023X+	3,29	94	21		400.000	
80	2351030041	Nguyễn Xuân Dũng	2023X1	3,33	100	21		400.000	

TT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐTB HK	ĐRL	SỐ TC	DANH HIỆU THI ĐUA		Ghi chú
							Xuất sắc	Giỏi	
81	2351030214	Nguyễn Trường Vũ	2023X2	3,48	100	21		400.000	
82	2351070032	Trần Thế Minh	2023XN	3,67	100	21	600.000		
83	2356020043	Lều Duy Thông	2023DA1	3,58	85	19		400.000	
84	2356020001	Bùi Bảo An	2023DA1	3,58	85	19		400.000	
85	2356020029	Trần Nguyễn Tuệ Linh	2023DA1	3,53	85	19		400.000	
86	2356020019	Bùi Văn Huy	2023DA1	3,42	88	19		400.000	
87	2356020065	Nguyễn Thị Hồng	2023DA2	3,53	90	19		400.000	
88	2356020123	Nguyễn Quang Minh	2023DA3	3,42	85	19		400.000	
89	2356020135	Hà Đức Thịnh	2023DA3	3,42	80	19		400.000	
90	2356020124	Vũ Văn Minh	2023DA3	3,21	90	19		400.000	
91	2451030136	Vũ Thu Nga	2024X+	3,71	100	24	600.000		
92	2451030055	Hằng	2024X+	3,47	90	24		400.000	
93	2451030011	Nguyễn Minh Thái Bảo	2024X+	3,24	95	24		400.000	
94	2451030143	Đào Dương Thiện Nhân	2024X3	3,88	100	24	600.000		
95	2456020019	Trịnh Tuấn Anh	2024DA1	3,24	89	24		400.000	
96	2456020116	Trần Hoàng Mai	2024DA2	3,35	95	24		400.000	
97	2456020125	Vũ Ngọc Minh	2024DA2	3,29	90	24		400.000	
		Số tiền					18.600.000	26.400.000	
		Số sinh viên					31	66	
		Tổng tiền					45.000.000		
(Bảng chữ: Bốn mươi lăm triệu đồng ./.)									

AMB



DANH SÁCH SINH VIÊN KHOA KỸ THUẬT HẠ TẦNG VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ

ĐẠT DANH HIỆU: KHÁ, GIỎI, XUẤT SẮC HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024 - 2025

(Kèm theo QĐ 296/QĐ-ĐHKT-CT-CTSV ngày 09 tháng 10 năm 2025)

Đơn vị tính: VNĐ

TT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐTB HK	ĐRL	SỐ TC	DANH HIỆU THI ĐUA		Ghi chú
							Xuất sắc	Giỏi	
1	2151050070	Vũ Ngọc Hưng	2021D1	4	18	100	600.000		
2	2151050007	Thân Thị Ngân	2021D1	3,78	18	98	600.000		
3	2151050046	Bùi Tuyết Nga	2021D1	3,44	18	93		400.000	
4	2151050026	Đoàn Thị Ngọc Anh	2021D1	3,33	18	93		400.000	
5	2154010001	Nguyễn Em Phụng	2021GT	3,76	17	85		400.000	
6	2154010019	Nhan Văn Huy	2021GT	3,24	17	84		400.000	
7	2151060019	Trần Nhật Hào	2021M	3,44	16	100		400.000	
8	2151060032	Lê Đồng Tiến	2021M	3,31	16	100		400.000	
9	2156010033	Trần Mạnh Hùng	2021ME	3,89	19	95	600.000		
10	2156010012	Trần Công Đạt	2021ME	3,79	19	100	600.000		
11	2156010026	Lê Văn Phúc	2021ME	3,58	19	100		400.000	
12	2156010034	Vũ Nhật Minh	2021ME	3,47	19	93		400.000	
13	2156010036	Đỗ Thiện Quang	2021ME	3,32	19	100		400.000	
14	2156010029	Nguyễn Tuấn Anh	2021ME	3,26	19	97		400.000	
15	2156010031	Nguyễn Công Huân	2021ME	3,26	19	84		400.000	
16	2156010035	Nguyễn Hồng Phúc	2021ME	3,26	19	100		400.000	
17	2151040032	Bùi Thị Bảo Yến	2021N	4	16	100	600.000		
18	2151040030	Đỗ Phương Trà	2021N	3,81	16	100	600.000		
19	2151040023	Lê Hồng Chuyên	2021N	3,75	16	100	600.000		
20	2151040016	Doãn Xuân Minh	2021N	3,75	16	94	600.000		
21	2151040033	Trần Thị Việt Hằng	2021N	3,56	16	80		400.000	
22	2251050090	Nguyễn Hữu Thi	2022D2	3,32	19	90		400.000	
23	2251060021	Đặng Minh Phương	2022M	3,4	20	100		400.000	
24	2256010029	Vũ Văn Hà	2022ME	3,43	21	93		400.000	
25	2256010028	Lê Quốc Vượng	2022ME	3,24	21	94		400.000	
26	2351050015	Nguyễn Ngọc Ánh Dương	2023D1	3,25	20	100		400.000	
27	2351050018	Chu Quốc Đạt	2023D2	3,4	20	100		400.000	
28	2356010033	Ngô Vũ Hoàng	2023ME	3,71	20	100	600.000		
29	2451050086	Nguyễn Thu Trang	2024D2	3,31	16	95		400.000	
30	2451040038	Nguyễn Thị Thanh An	2024N	3,31	16	90		400.000	
		Số tiền					5.400.000	8.400.000	
		Số sinh viên					9	21	
		Tổng tiền					13.800.000		
	(Bằng chữ: Mười ba triệu tám trăm ngàn đồng/.)								

ABC

DANH SÁCH SINH VIÊN KHOA NỘI THẤT

ĐẠT DANH HIỆU: KHÁ, GIỎI, XUẤT SẮC HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024 - 2025

(Kèm theo QĐ 296/QĐ-ĐHKT-CT-CTSV ngày 09 tháng 10 năm 2025)

Đơn vị tính: VNĐ

TT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐTB HK	ĐRL	SỐ TC	DANH HIỆU THI ĐUA		Ghi chú
							X.Sắc	Giỏi	
1	2158020344	Phan Thị Thanh Tâm	2021NT1	3,75	89	14		400.000	
2	2158020183	Nguyễn Thị Thanh Huyền	2021NT1	3,67	84	14		400.000	
3	2158020239	Vũ Hồng Như Linh	2021NT1	3,5	94	14		400.000	
4	2158020204	Trần Thị Thu Lệ	2021NT1	3,5	89	14		400.000	
5	2158020365	Trịnh Thị Thảo	2021NT1	3,5	84	14		400.000	
6	2158020330	Nguyễn Ngọc Quỳnh	2021NT1	3,42	89	14		400.000	
7	2158020099	Phạm Thị Lê Dung	2021NT1	3,42	84	14		400.000	
8	2158020015	Dương Văn Anh	2021NT1	3,25	89	14		400.000	
9	2158020303	Hoàng Trung Phong	2021NT2	3,67	100	14	600.000		
10	2158020453	Đỗ Việt Anh	2021NT2	3,67	100	14	600.000		
11	2158020044	Phùng Thị Ngọc Anh	2021NT2	3,67	89	14		400.000	
12	2158020038	Nguyễn Tú Anh	2021NT2	3,58	100	14		400.000	
13	2158020045	Trần Diệp Anh	2021NT3	3,83	90	14	600.000		
14	2158020311	Nguyễn Việt Phương	2021NT3	3,67	89	14		400.000	
15	2158020150	Lưu Việt Hoàng	2021NT3	3,67	80	14		400.000	
16	2158020201	Nguyễn Thị Lan	2021NT5	3,83	89	14		400.000	
17	2158020292	Lê Nguyễn Hiền Nhi	2021NT5	3,67	89	14		400.000	
18	2158020145	Nguyễn Thị Hoài	2021NT5	3,58	89	14		400.000	
19	2158020152	Vũ Huy Hoàng	2021NT5	3,42	84	14		400.000	
20	2158020033	Nguyễn Phương Anh	2021NT5	3,33	84	14		400.000	
21	2158020307	Lê Thu Phương	2021NT6	3,75	100	14	600.000		
22	2158020217	Hoàng Khánh Linh	2021NT7	3,25	89	14		400.000	
23	2158020231	Nguyễn Thị Phương Linh	2021NT7	3,25	84	14		400.000	
24	2158020169	Phạm Hà Thanh Hương	2021NT8	3,92	90	14	600.000		
25	2158020397	Phùng Thùy Trang	2021NT8	3,67	84	14		400.000	
26	2158020035	Nguyễn Thị Nguyệt Anh	2021NT8	3,58	84	14		400.000	
27	2158020214	Hồ Cẩm Linh	2021NT8	3,5	84	14		400.000	
28	2158020382	Phạm Ngọc Trâm	2021NT8	3,33	84	14		400.000	
29	2158020008	Bùi Ngọc Anh	2021NT8	3,33	83	14		400.000	
30	2158020320	Hoàng Chu Quân	2021NT8	3,25	83	14		400.000	
31	2258020071	Nguyễn Văn Duy	2022NT1	3,53	90	18		400.000	
32	2258020274	Trần Phương Thảo	2022NT1	3,53	85	18		400.000	
33	2258020339	Trịnh Nguyễn Tô Liên	2022NT1	3,41	99	18		400.000	
34	2258020149	Nguyễn Thị Ngọc Lan	2022NT2	3,65	84	18		400.000	

TT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐTB HK	ĐRL	SỐ TC	DANH HIỆU THI ĐUA		Ghi chú
							X.Sắc	Giới	
35	2258020049	Hoàng Thị Châm	2022NT2	3,65	84	18		400.000	
36	2258020358	Phạm Thùy Dương	2022NT2	3,59	90	18		400.000	
37	2258020205	Nguyễn Mai Hiếu Ngọc	2022NT2	3,59	89	18		400.000	
38	2258020261	Vũ Hà Thanh Tuyền	2022NT2	3,59	89	18		400.000	
39	2258020332	Chu Đức Quý	2022NT2	3,59	84	18		400.000	
40	2258020072	Đàm Mỹ Duyên	2022NT2	3,47	95	18		400.000	
41	2258020324	Đào Thị Yến Vy	2022NT2	3,41	99	18		400.000	
42	2258020051	Cao Minh Châu	2022NT2	3,41	83	18		400.000	
43	2258020198	Nguyễn Thị Thu Ngân	2022NT2	3,35	85	18		400.000	
44	2258020224	Nguyễn Thị Tú Oanh	2022NT2	3,29	84	18		400.000	
45	2258020135	Mai Thu Huyền	2022NT2	3,24	99	18		400.000	
46	2258020303	Trần Thị Kiều Trang	2022NT2	3,24	92	18		400.000	
47	2258020212	Phan Thị Thu Nguyệt	2022NT2	3,24	84	18		400.000	
48	2258020317	Phạm Lê Hà Vi	2022NT2	3,24	82	18		400.000	
49	2258020073	Đỗ Lương Duyên	2022NT3	3,47	95	18		400.000	
50	2258020192	Nguyễn Đức Minh	2022NT3	3,41	84	18		400.000	
51	2258020365	Phạm Thị Thu Trang	2022NT3	3,41	83	18		400.000	
52	2258020035	Trần Thị Vân Anh	2022NT3	3,35	91	18		400.000	
53	2258020238	Tạ Hồng Phương	2022NT3	3,24	89	18		400.000	
54	2258020276	Hà Anh Thơ	2022NT3	3,24	82	18		400.000	
55	2258020004	Đặng Minh Anh	2022NT4	4	100	18	600.000		
56	2258020046	Trương Thanh Bình	2022NT4	4	90	18	600.000		
57	2258020151	Đặng Lê Vi	2022NT4	3,76	100	18	600.000		
58	2258020025	Nguyễn Thị Ngọc Anh	2022NT4	3,71	95	18	600.000		
59	2258020193	Nguyễn Hữu Minh	2022NT4	3,71	88	18		400.000	
60	2258020249	Đặng Nguyễn Thanh Tâm	2022NT4	3,71	85	18		400.000	
61	2258020018	Nông Huyền Anh	2022NT4	3,53	90	18		400.000	
62	2258020291	Lê Thu Trang	2022NT4	3,41	89	18		400.000	
63	2258020200	Trần Khánh Ngân	2022NT4	3,35	90	18		400.000	
64	2258020140	Đàm Thị Thanh Hương	2022NT4	3,35	89	18		400.000	
65	2258020144	Nguyễn Ngọc Khánh	2022NT4	3,24	80	18		400.000	
66	2258020285	Nguyễn Thanh Thư	2022NT5	3,71	94	18	600.000		
67	2258020187	Lê Phương Mai	2022NT5	3,65	89	18		400.000	
68	2258020215	Lê Thảo Nhi	2022NT5	3,59	100	18		400.000	
69	2258020005	Đặng Quang Anh	2022NT5	3,53	90	18		400.000	
70	2258020070	Nguyễn Tiến Nhật Duy	2022NT5	3,53	90	18		400.000	
71	2258020271	Nguyễn Thị Phương Thảo	2022NT5	3,53	89	18		400.000	
72	2258020361	Trần Quang Minh	2022NT5	3,53	89	18		400.000	

Anh



STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐTB HK	ĐRL	SỐ TC	DANH HIỆU THI ĐUA		Ghi chú
							X.Sắc	Giới	
73	2258020117	Nguyễn Thị Hoa	2022NT5	3,41	90	18		400.000	
74	2258020320	Nguyễn Quốc Việt	2022NT5	3,41	89	18		400.000	
75	2258020210	Nguyễn Mai Thảo Nguyên	2022NT5	3,41	84	18		400.000	
76	2258020047	Vũ Ngọc Cảnh	2022NT5	3,35	89	18		400.000	
77	2258020096	Bùi Hồng Hạnh	2022NT5	3,29	99	18		400.000	
78	2258020208	Nguyễn Vũ Hồng Ngọc	2022NT5	3,29	84	18		400.000	
79	2258020082	Phạm Công Đô	2022NT5	3,29	84	18		400.000	
80	2258020110	Nguyễn Thu Hiền	2022NT5	3,24	92	18		400.000	
81	2258020236	Nguyễn Thu Phương	2022NT5	3,24	91	18		400.000	
82	2258020264	Đỗ Minh Thanh	2022NT5	3,24	87	18		400.000	
83	2258020299	Nguyễn Thu Trang	2022NT5	3,24	84	18		400.000	
84	2258020203	Dân Thị Bích Ngọc	2022NT6	3,53	90	18		400.000	
85	2258020041	Phạm Ngọc Ánh	2022NT6	3,41	99	18		400.000	
86	2258020265	Bùi Thị Phương Thảo	2022NT6	3,41	89	18		400.000	
87	2258020062	Lê Thị Bích Diệp	2022NT6	3,35	85	18		400.000	
88	2258020307	Đào Bảo Trân	2022NT6	3,35	84	18		400.000	
89	2258020090	Nguyễn Thị Hồng Hà	2022NT6	3,29	86	18		400.000	
90	2258020328	Nguyễn Thị Yến	2022NT6	3,24	85	18		400.000	
91	2358020262	Phạm Ngọc Phương Anh	2023NT1	4	95	17	600.000		
92	2358020241	Bùi Thị Hạ Vi	2023NT1	3,69	89	17		400.000	
93	2358020106	Nguyễn Khánh Linh	2023NT1	3,63	89	17		400.000	
94	2358020266	Phạm Quỳnh Hoa	2023NT1	3,63	87	17		400.000	
95	2358020111	Nguyễn Thị Diệu Linh	2023NT1	3,56	84	17		400.000	
96	2358020121	Trần Thị Khánh Linh	2023NT1	3,5	89	17		400.000	
97	2358020245	Lê Đắc Vinh	2023NT1	3,5	84	17		400.000	
98	2358020065	Trần Thị Thu Hằng	2023NT1	3,44	84	17		400.000	
99	2358020041	Triệu Thị Khánh Chi	2023NT1	3,44	84	17		400.000	
100	2358020085	Trần Khánh Huyền	2023NT1	3,38	89	17		400.000	
101	2358020282	Dương Thị Thùy Ngân	2023NT1	3,38	89	17		400.000	
102	2358020225	Nguyễn Thị Thu Trang	2023NT1	3,31	87	17		400.000	
103	2358020226	Nguyễn Thùy Trang	2023NT1	3,31	84	17		400.000	
104	2358020081	Ngô Thị Khánh Huyền	2023NT1	3,31	84	17		400.000	
105	2358020076	Trần Xuân Hiếu	2023NT1	3,31	81	17		400.000	
106	2358020232	Nguyễn Ngọc Trâm	2023NT2	3,75	94	17	600.000		
107	2358020279	Nguyễn Thị Trúc	2023NT2	3,69	94	17	600.000		
108	2358020127	Đặng Trần Khánh Ly	2023NT2	3,63	100	17	600.000		
109	2358020192	Trần Thị Thủy Tiên	2023NT2	3,63	99	17	600.000		
110	2358020082	Nguyễn Ngọc Huyền	2023NT2	3,63	94	17	600.000		

Handwritten signature or mark.

TT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐTB HK	ĐRL	SỐ TC	DANH HIỆU THI ĐUA		Ghi chú
							X.Sắc	Giới	
111	2358020250	Lê Thị Hải Yến	2023NT2	3,5	89	17		400.000	
112	2358020267	Nguyễn Ngọc Linh	2023NT2	3,44	89	17		400.000	
113	2358020170	Đặng Thị Phương	2023NT2	3,31	94	17		400.000	
114	2358020150	Kiều Như Ngọc	2023NT2	3,31	89	17		400.000	
115	2358020072	Đinh Trung Hiếu	2023NT2	3,31	84	17		400.000	
116	2358020057	Đào Hoàng Giáp	2023NT2	3,25	99	17		400.000	
117	2358020010	Lê Đức Anh	2023NT2	3,25	84	17		400.000	
118	2358020183	Hoàng Thanh Quỳnh	2023NT3	3,75	84	17		400.000	
119	2358020113	Nguyễn Thị Trang Linh	2023NT3	3,63	89	17		400.000	
120	2358020075	Phó Đình Hiếu	2023NT3	3,56	92	17		400.000	
121	2358020103	Lê Diệu Linh	2023NT3	3,5	94	17		400.000	
122	2358020098	Cao Thùy Linh	2023NT3	3,44	84	17		400.000	
123	2358020015	Nguyễn Châu Anh	2023NT3	3,44	84	17		400.000	
124	2358020068	Nguyễn Thị Thu Hiền	2023NT3	3,38	89	17		400.000	
125	2358020118	Phùng Thùy Linh	2023NT3	3,38	82	17		400.000	
126	2358020128	Trần Khánh Ly	2023NT3	3,31	92	17		400.000	
127	2358020138	Nguyễn Thị Trà My	2023NT3	3,31	84	17		400.000	
128	2358020235	Đồng Phương Uyên	2023NT3	3,31	84	17		400.000	
129	2358020291	Đào Tuấn Minh	2023NT3	3,25	89	17		400.000	
130	2358020095	Nguyễn Tùng Văn Khánh	2023NT3	3,25	84	17		400.000	
131	2358020033	Nguyễn Thị Phương Bình	2023NT3	3,25	84	17		400.000	
132	2358020140	Trần Lê Na	2023NT4	3,88	100	17	600.000		
133	2358020189	Phạm Thanh Tâm	2023NT4	3,81	94	17	600.000		
134	2358020269	Nguyễn Thành Định	2023NT4	3,81	92	17	600.000		
135	2358020149	Đoàn Minh Ngọc	2023NT4	3,63	94	17	600.000		
136	2358020219	Đào Thị Trang	2023NT4	3,56	94	17		400.000	
137	2358020265	Đinh Văn Thử	2023NT4	3,56	93	17		400.000	
138	2358020209	Nguyễn Phúc Vĩnh Thịnh	2023NT4	3,5	94	17		400.000	
139	2358020174	Tạ Mai Phương	2023NT4	3,44	94	17		400.000	
140	2358020184	Lê Như Quỳnh	2023NT4	3,44	94	17		400.000	
141	2358020129	Chữ Thị Mai	2023NT4	3,44	89	17		400.000	
142	2358020114	Nguyễn Thùy Linh	2023NT4	3,38	100	17		400.000	
143	2358020060	Nguyễn Đoàn Thu Hà	2023NT4	3,31	89	17		400.000	
144	2358020296	Lê Thụy Anh	2023NT4	3,25	94	17		400.000	
145	2458020157	Nguyễn Yến Nhi	2024NT1	3,5	90	25		400.000	
146	2458020221	Phùng Thu Trà	2024NT1	3,5	89	19		400.000	
147	2458020237	Vương Thị Thùy Trang	2024NT1	3,39	90	25		400.000	
148	2458020244	Nguyễn Thị Uyên	2024NT1	3,28	87	25		400.000	



TT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐTBCH HK	ĐRL	SỐ TC	DANH HIỆU THI ĐUA		Ghi chú
							X.Sắc	Giỏi	
149	2458020169	Nguyễn Huyền Phương	2024NT1	3,22	90	25		400.000	
150	2458020061	Nguyễn Hương Giang	2024NT1	3,22	90	22		400.000	
151	2458020101	Lê Ngọc Lan	2024NT1	3,22	87	25		400.000	
152	2458020109	Nguyễn Ngọc Linh	2024NT1	3,22	84	25		400.000	
153	2458020161	Nguyễn Thị Hồng Nhung	2024NT1	3,22	82	25		400.000	
154	2458020054	Nguyễn Trương Hải Dương	2024NT2	3,61	95	25	600.000		
155	2458020261	Nguyễn Thị Hải Yến	2024NT2	3,5	95	25		400.000	
156	2458020214	Ngô Thị Thu	2024NT2	3,5	90	25		400.000	
157	2458020050	Lã Thị Phương Dung	2024NT2	3,39	95	25		400.000	
158	2458020094	Bùi Xuân Hương	2024NT2	3,28	89	25		400.000	
159	2458020130	Nguyễn Thị Ngọc Mai	2024NT2	3,22	95	25		400.000	
160	2458020034	Nguyễn Thanh Bình	2024NT2	3,22	90	25		400.000	
161	2458020107	Nguyễn Hoàng Khánh Linh	2024NT3	3,44	85	25		400.000	
162	2458020123	Đặng Ngọc Thảo Ly	2024NT3	3,22	88	25		400.000	
163	2458020159	Hà Hồng Nhung	2024NT3	3,22	80	22		400.000	
164	2458020112	Nguyễn Tuyết Linh	2024NT4	3,78	95	25	600.000		
165	2458020265	Bùi Ngọc Cẩm Ly	2024NT4	3,56	84	25		400.000	
166	2458020263	Trần Thị Hải Yến	2024NT4	3,39	95	25		400.000	
167	2458020232	Phạm Thị Mai Trang	2024NT4	3,22	89	25		400.000	
		Số tiền					13200000	58.000.000	
		Số sinh viên					22	145	
		Tổng tiền					71.200.000		
	(Bằng chữ: Bảy mươi một triệu hai trăm ngàn đồng./.)								

Handwritten signature



DANH SÁCH SINH VIÊN KHOA THIẾT KẾ MỸ THUẬT

ĐẠT DANH HIỆU: KHÁ, GIỎI, XUẤT SẮC HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024 - 2025

(Kèm theo QĐ 296/QĐ-ĐHKT-CT-CTSV ngày 09 tháng 10 năm 2025)

Đơn vị tính: VNĐ

TT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐTB HK	ĐRL	SỐ TC	DANH HIỆU THI ĐUA		Ghi chú
							X.Sắc	Giỏi	
1	2158010037	Đỗ Việt Dũng	2021DH1	3,29	85	14		400.000	
2	2158010218	Lê Thị Yến	2021DH2	3,57	80	14		400.000	
3	2158010194	Đồng Thị Trang	2021DH2	3,43	90	14		400.000	
4	2158010071	Đặng Thị Huyền	2021DH3	3,43	85	14		400.000	
5	2158010179	Nguyễn Phương Thảo	2021DH3	3,29	95	14		400.000	
6	2158010148	Phạm Vũ Phương Nhung	2021DH4	3,86	100	14	600.000		
7	2158010072	Nguyễn Thanh Huyền	2021DH4	3,71	100	14	600.000		
8	2158010239	Trần Thị Hà Phúc	2021DH4	3,57	95	14		400.000	
9	2158010060	Đỗ Thanh Hằng	2021DH4	3,57	94	14		400.000	
10	2158010068	Phan Thu Huệ	2021DH4	3,57	89	14		400.000	
11	2158010180	Nguyễn Phương Thảo	2021DH4	3,43	100	14		400.000	
12	2158010220	Nguyễn Thị Thu Hà	2021DH4	3,43	100	14		400.000	
13	2158010208	Khuất Phương Uyên	2021DH4	3,43	90	14		400.000	
14	2158010096	Nguyễn Khánh Linh	2021DH4	3,43	89	14		400.000	
15	2158010112	Trần Hoàng Nhật Mai	2021DH4	3,29	99	14		400.000	
16	2158010232	Vũ Hà Phương	2021DH4	3,29	95	14		400.000	
17	2158030014	Đặng Thị Huyền	2021DK	4	100	10	600.000		
18	2158030003	Nguyễn Thị Mai Anh	2021DK	3,2	95	10		400.000	
19	2158040172	Phan Thùy Linh	2021TT1	4	100	14	600.000		
20	2158040085	Phạm Thị Khánh Linh	2021TT1	3,86	100	14	600.000		
21	2158040091	Nguyễn Thành Long	2021TT1	3,86	99	14	600.000		
22	2158040046	Dương Thu Giang	2021TT1	3,86	89	14		400.000	
23	2158040133	Hoàng Thị Cẩm Tú	2021TT1	3,57	94	14		400.000	
24	2158040064	Phạm Thị Thu Hằng	2021TT1	3,57	94	14		400.000	
25	2158040106	Lê Ánh Nguyệt	2021TT1	3,57	89	14		400.000	
26	2158040067	Lê Thị Hồng	2021TT1	3,57	89	14		400.000	
27	2158040176	Bùi Thị Hải Yến	2021TT1	3,57	86	14		400.000	
28	2158040160	Nguyễn Thu Uyên	2021TT1	3,57	81	14		400.000	
29	2158040097	Lê Thị Thanh Minh	2021TT1	3,43	89	14		400.000	
30	2158040124	Hà Như Quỳnh	2021TT1	3,29	89	14		400.000	
31	2158040139	Huỳnh Phương Thảo	2021TT1	3,29	89	14		400.000	
32	2158040188	Vũ Thị Xuân Thu	2021TT1	3,29	89	14		400.000	
33	2158040094	Nguy Thị Khánh Ly	2021TT1	3,29	82	14		400.000	

Handwritten signature



TT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐTB HK	ĐRL	SỐ TC	DANH HIỆU THI ĐUA		Ghi chú
							X.Sắc	Giới	
34	2158040107	Lục Gia Nhật	2021TT2	3,86	88	14		400.000	
35	2158040098	Nguyễn Thị Trà My	2021TT2	3,86	84	14		400.000	
36	2158040092	Nguyễn Thành Lương	2021TT2	3,71	84	14		400.000	
37	2158040146	Trần Thị Phương Thảo	2021TT2	3,57	95	14		400.000	
38	2158040125	Lưu Phương Quỳnh	2021TT2	3,57	80	14		400.000	
39	2158040083	Nguyễn Thị Mỹ Linh	2021TT2	3,43	85	14		400.000	
40	2158040149	Nguyễn Thanh Thủy	2021TT2	3,43	84	14		400.000	
41	2158040062	Nguyễn Thu Hằng	2021TT2	3,43	84	14		400.000	
42	2158040189	Nguyễn Thị Duyên	2021TT2	3,43	84	14		400.000	
43	2158040077	Trần Hương Liên	2021TT2	3,43	84	14		400.000	
44	2158040152	Trần Khánh Thư	2021TT2	3,29	82	14		400.000	
45	2158040132	Hoàng Lương Tiến	2021TT3	3,57	99	14		400.000	
46	2158040012	Phạm Linh Anh	2021TT3	3,29	99	14		400.000	
47	2158040093	Hoàng Khánh Ly	2021TT3	3,29	89	14		400.000	
48	2258010189	Nghiêm Thị Bảo Hân	2022DH1	3,87	100	15	600.000		
49	2258010053	Bùi Hải Hà	2022DH1	3,6	99	15	600.000		
50	2258010136	Lê Anh Quân	2022DH1	3,6	94	15	600.000		
51	2258010177	Trần Minh Trang	2022DH1	3,47	84	15		400.000	
52	2258010153	Lê Thu Thảo	2022DH1	3,27	94	15		400.000	
53	2258010101	Nguyễn Xuân Lương	2022DH1	3,27	87	15		400.000	
54	2258010201	Phạm Hạnh Bình	2022DH1	3,27	84	15		400.000	
55	2258010168	Đoàn Kiều Trang	2022DH1	3,27	84	15		400.000	
56	2058010136	Đỗ Hiền Nga	2022DH1	3,27	84	15		400.000	
57	2258010081	Vũ Mai Hương	2022DH1	3,2	87	15		400.000	
58	2258010064	Đoàn Thúy Hiền	2022DH2	3,6	95	15	600.000		
59	2258010126	Nguyễn Hồng Nhung	2022DH2	3,6	90	15	600.000		
60	2258010020	Nguyễn Ngọc Bích	2022DH2	3,6	89	15		400.000	
61	2258010114	Phạm Trà My	2022DH2	3,6	89	15		400.000	
62	2258010004	Hà Phương Anh	2022DH2	3,47	100	15		400.000	
63	2258010130	Đinh Thu Phương	2022DH2	3,47	90	15		400.000	
64	2258010110	Tạ Quý Quỳnh Mai	2022DH2	3,4	90	15		400.000	
65	2258010120	Đào Hạnh Ngân	2022DH2	3,33	89	15		400.000	
66	2258010070	Hoàng Thị Quỳnh Hoa	2022DH2	3,27	89	15		400.000	
67	2258010078	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	2022DH2	3,27	84	15		400.000	
68	2258010150	Bùi Thị Thanh Thảo	2022DH2	3,2	88	15		400.000	
69	2258010082	Vũ Thị Thiên Hương	2022DH2	3,2	87	15		400.000	
70	2258010023	Nguyễn Việt Cường	2022DH3	3,73	90	15	600.000		
71	2258010091	Kiều Thị Diệu Linh	2022DH3	3,6	100	15	600.000		

100



TT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐTB HK	ĐRL	SỐ TC	DANH HIỆU THI ĐUA		Ghi chú
							X.Sắc	Giới	
72	2258010103	Đào Thị Hương Ly	2022DH3	3,6	99	15	600.000		
73	2258010047	Nguyễn Anh Đức	2022DH3	3,6	99	15	600.000		
74	2258010039	Cao Hoàng Bạch Dương	2022DH3	3,6	99	15	600.000		
75	2258010124	Nguyễn Thanh Nhã	2022DH3	3,47	100	15		400.000	
76	2258010210	Đỗ Trọng Hưng	2022DH3	3,47	100	15		400.000	
77	2258010147	Ngô Đình Tùng	2022DH3	3,27	87	15		400.000	
78	2258030005	Ngô Thị Kim Hồng Ánh	2022DK	3,71	90	14	600.000		
79	2258030002	Nguyễn Việt Anh	2022DK	3,64	99	14	600.000		
80	2258030001	Nguyễn Minh Anh	2022DK	3,36	82	14		400.000	
81	2258040047	Nguyễn Thảo Nguyên	2022TT1	4	90	16	600.000		
82	2258040029	Nguyễn Mai Hương	2022TT1	3,69	89	16		400.000	
83	2258040008	Nguyễn Phương Ánh	2022TT1	3,69	84	16		400.000	
84	2258040041	Nguyễn Thị Ngọc Mai	2022TT1	3,69	84	16		400.000	
85	2258040004	Đỗ Thị Quỳnh Anh	2022TT1	3,63	95	16	600.000		
86	2258040065	Đoàn Thị Quỳnh Trang	2022TT1	3,63	95	16	600.000		
87	2258040005	Lê Thị Anh	2022TT1	3,63	95	16	600.000		
88	2258040010	Nguyễn Thị Thanh Châm	2022TT1	3,63	94	16	600.000		
89	2258040053	Trần Hồng Phúc	2022TT1	3,63	90	16	600.000		
90	2258040003	Đỗ Chúc Anh	2022TT1	3,63	89	16		400.000	
91	2258040019	Nguyễn Nguyệt Hà	2022TT1	3,56	100	16		400.000	
92	2258040022	Nguyễn Thị Ngọc Hải	2022TT1	3,56	95	16		400.000	
93	2258040050	Bùi Thị Kim Nhung	2022TT1	3,56	94	16		400.000	
94	2258040021	Nguyễn Thị Hà	2022TT1	3,44	94	16		400.000	
95	2258040012	Vũ Mai Chi	2022TT1	3,44	84	16		400.000	
96	2258040014	Nguyễn Thùy Dung	2022TT1	3,44	84	16		400.000	
97	2258040067	Lê Phương Trang	2022TT1	3,44	82	16		400.000	
98	2258040016	Nguyễn Ánh Dương	2022TT1	3,38	89	16		400.000	
99	2258040035	Đinh Diệu Linh	2022TT1	3,38	89	16		400.000	
100	2258040075	Phạm Thanh Xuân	2022TT1	3,38	85	16		400.000	
101	2258040077	Hoàng Thị Hằng	2022TT2	3,88	85	16		400.000	
102	2258040073	Mai Đan Vy	2022TT2	3,69	94	16	600.000		
103	2258040072	Võ Thu Uyên	2022TT2	3,38	87	16		400.000	
104	2258040031	Bùi Ngọc Khuyên	2022TT2	3,31	97	16		400.000	
105	2258040068	Lưu Huyền Trang	2022TT2	3,31	82	16		400.000	
106	2358010160	Phạm Thị Quỳnh Trang	2023DH1	3,69	94	16	600.000		
107	2358010100	Lê Nguyệt Minh	2023DH1	3,69	90	16	600.000		
108	2358010175	Bùi Hải Yến	2023DH1	3,56	94	16		400.000	
109	2358010085	Phạm Khánh Linh	2023DH1	3,56	85	16		400.000	

Anh



TT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐTB HK	ĐRL	SỐ TC	DANH HIỆU THI ĐUA		Ghi chú
							X.Sắc	Giải	
110	2358010031	Phạm Thị Hồng Diễm	2023DH1	3,56	84	16		400.000	
111	2358010189	Nguyễn Hiền Hậu	2023DH1	3,44	87	16		400.000	
112	2358010112	Nguyễn Khánh Ngọc	2023DH1	3,44	87	16		400.000	
113	2358010004	Phí Thư An	2023DH1	3,44	84	16		400.000	
114	2358010109	Nguyễn Thị Ngân	2023DH1	3,44	82	16		400.000	
115	2358010115	Nguyễn Thị Minh Ngọc	2023DH1	3,38	92	16		400.000	
116	2358010007	Đỗ Phương Anh	2023DH1	3,31	84	16		400.000	
117	2358010121	Nguyễn Thị Ngọc Oanh	2023DH1	3,31	84	16		400.000	
118	2358010177	Dương Hà Phương	2023DH1	3,31	82	16		400.000	
119	2358010167	Nguyễn Thị Mỹ Uyên	2023DH2	3,69	95	16	600.000		
120	2358010176	Vũ Hải Yến	2023DH2	3,69	85	16		400.000	
121	2358010044	Bùi Thị Hương Giang	2023DH2	3,63	85	16		400.000	
122	2358010178	Trần Thị Trang	2023DH2	3,56	85	16		400.000	
123	2358010086	Phạm Thị Hải Linh	2023DH2	3,5	90	16		400.000	
124	2358010131	Nguyễn Hoàng Hồng Sơn	2023DH2	3,44	89	16		400.000	
125	2358010032	Trần Phương Diễm	2023DH2	3,44	80	16		400.000	
126	2358010074	Vương Xuân Khang	2023DH2	3,38	95	16		400.000	
127	2358010107	Lăng Thị Hương Ngân	2023DH2	3,38	84	16		400.000	
128	2358010143	Nguyễn Thị Thảo	2023DH2	3,25	89	16		400.000	
129	2358010196	Lưu Hà Phương	2023DH2	3,25	85	16		400.000	
130	2358010009	Hoàng Châu Anh	2023DH3	4	100	16	600.000		
131	2358010069	Nguyễn Quỳnh Hương	2023DH3	3,88	94	16	600.000		
132	2358010183	Phạm Thị Minh Ngọc	2023DH3	3,88	85	16		400.000	
133	2358010150	Đỗ Hoài Thu	2023DH3	3,75	90	16	600.000		
134	2358010179	Đặng Thị An	2023DH3	3,69	100	16	600.000		
135	2358010048	Vũ Thu Hà	2023DH3	3,63	100	16	600.000		
136	2358010105	Nguyễn Thị Huyền Nga	2023DH3	3,63	85	16		400.000	
137	2358010153	Nguyễn Thu Thủy	2023DH3	3,63	85	16		400.000	
138	2358010027	Nguyễn Thị Thiện Bình	2023DH3	3,56	80	16		400.000	
139	2358010174	Nguyễn Hoàng Phương Vy	2023DH3	3,44	84	16		400.000	
140	2358010159	Nông Quỳnh Trang	2023DH3	3,25	84	16		400.000	
141	2358010188	Trần Thị Quỳnh Trang	2023DH4	3,81	90	16	600.000		
142	2358010002	Nguyễn Thị Bình An	2023DH4	3,69	89	16		400.000	
143	2358010098	Đỗ Nguyệt Minh	2023DH4	3,63	95	16	600.000		
144	2358010045	Đặng Nguyệt Hà	2023DH4	3,56	90	16		400.000	
145	2358010136	Vũ Nguyễn Cẩm Tú	2023DH4	3,56	89	16		400.000	
146	2358010078	Bùi Thị Thủy Linh	2023DH4	3,56	84	16		400.000	
147	2358010111	Đoàn Như Ngọc	2023DH4	3,5	84	16		400.000	

Handwritten signature or mark.

TT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐTB HK	ĐRL	SỐ TC	DANH HIỆU THI ĐUA		Ghi chú
							X.Sắc	Giới	
148	2358010106	Chu Thị Thanh Ngân	2023DH4	3,38	84	16		400.000	
149	2358010084	Nguyễn Thùy Linh	2023DH4	3,31	89	16		400.000	
150	2358010001	Lê Thị Ngọc An	2023DH4	3,31	89	16		400.000	
151	2358010200	Nguyễn Quang Huy	2023DH4	3,31	84	16		400.000	
152	2358010046	Nguyễn Thị Thu Hà	2023DH4	3,25	82	16		400.000	
153	2358030014	Vũ Ngọc Huyền	2023DK	3,33	94	18		400.000	
154	2358040086	Nguyễn Thị Thu Hiền	2023TT1	3,88	100	17	600.000		
155	2358040013	Đặng Huyền Chi	2023TT1	3,82	90	17	600.000		
156	2358040047	Nguyễn Thùy Linh	2023TT1	3,82	84	17		400.000	
157	2358040057	Tăng Lệ Mỹ	2023TT1	3,76	84	17		400.000	
158	2358040015	Bùi Văn Duẩn	2023TT1	3,71	85	17		400.000	
159	2358040001	Đinh Thúy An	2023TT1	3,65	90	17	600.000		
160	2358040035	Nguyễn Lan Hương	2023TT1	3,59	94	17		400.000	
161	2358040088	Lê Thị Thanh Thương	2023TT1	3,59	94	17		400.000	
162	2358040019	Nguyễn Thị Hương Giang	2023TT1	3,59	94	17		400.000	
163	2358040049	Trần Khánh Linh	2023TT1	3,59	84	17		400.000	
164	2358040100	Trần Thùy Trang	2023TT1	3,47	84	17		400.000	
165	2358040085	Giang Kiều Xuân	2023TT1	3,47	84	17		400.000	
166	2358040081	Trần Huyền Trang	2023TT1	3,41	99	17		400.000	
167	2358040071	Tạ Hương Thảo	2023TT1	3,41	84	17		400.000	
168	2358040092	Nguyễn Thị Hải Anh	2023TT1	3,29	92	17		400.000	
169	2358040009	Mai Thị Ngọc Ánh	2023TT1	3,29	85	17		400.000	
170	2358040095	Nguyễn Thị Thu Hiền	2023TT1	3,29	84	17		400.000	
171	2358040039	Nguyễn Thị Thanh Lam	2023TT1	3,29	84	17		400.000	
172	2358040023	Nguyễn Thu Hạnh	2023TT1	3,24	84	17		400.000	
173	2358040046	Nguyễn Thị Thùy Linh	2023TT2	3,88	94	17	600.000		
174	2358040068	Vũ Ngọc Minh Tâm	2023TT2	3,76	100	17	600.000		
175	2358040022	Phùng Vũ Thái Hà	2023TT2	3,76	99	17	600.000		
176	2358040056	Hoàng Thị Trà My	2023TT2	3,76	94	17	600.000		
177	2358040028	Nguyễn Trung Hiếu	2023TT2	3,76	90	17	600.000		
178	2358040054	Nguyễn Thảo Ly	2023TT2	3,76	89	17		400.000	
179	2358040004	Mai Cẩm Tú Anh	2023TT2	3,76	85	17		400.000	
180	2358040064	Nguyễn Thị Lan Phượng	2023TT2	3,71	85	17		400.000	
181	2358040026	Nguyễn Thị Hiền	2023TT2	3,65	87	17		400.000	
182	2358040093	Nguyễn Ngọc Thanh Loan	2023TT2	3,53	89	17		400.000	
183	2358040034	Nguyễn Khánh Huyền	2023TT2	3,53	85	17		400.000	
184	2358040048	Trần Hà Linh	2023TT2	3,53	85	17		400.000	
185	2158040195	Phạm Thị Minh Khánh	2023TT2	3,53	82	17		400.000	

Alk

TT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐTB HK	ĐRL	SỐ TC	DANH HIỆU THI ĐUA		Ghi chú
							X.Sắc	Giới	
186	2358040074	Tạ Bích Thủy	2023TT2	3,47	80	17		400.000	
187	2358040014	Nguyễn Thị Linh Chi	2023TT2	3,35	82	17		400.000	
188	2358040066	Tăng Thị Minh Phương	2023TT2	3,29	85	17		400.000	
189	2358040062	Đỗ Hoài Phương	2023TT2	3,29	84	17		400.000	
190	2358040032	Đỗ Khánh Huyền	2023TT2	3,29	84	17		400.000	
191	2358040089	Nguyễn Vũ Bảo Ngọc	2023TT2	3,24	84	17		400.000	
192	2458010005	Đặng Phương Anh	2024DH1	3,73	84	15		400.000	
193	2458010053	Trần Lưu Hà	2024DH1	3,67	85	15		400.000	
194	2458010077	Bùi Thủy Linh	2024DH1	3,6	84	15		400.000	
195	2458010045	Đinh Hương Giang	2024DH1	3,53	84	15		400.000	
196	2458010009	Lê Phương Anh	2024DH1	3,27	85	15		400.000	
197	2458010101	Nguyễn Thanh Mai	2024DH1	3,27	84	15		400.000	
198	2458010153	Lê Thị Thanh Tuyền	2024DH1	3,2	94	15		400.000	
199	2458010081	Hoàng Phương Linh	2024DH1	3,2	90	15		400.000	
200	2458010013	Nguyễn Quang Anh	2024DH1	3,2	84	15		400.000	
201	2458010074	Lưu Thị Ngọc Lan	2024DH2	3,73	95	15	600.000		
202	2458010086	Nguyễn Thái Khanh Linh	2024DH2	3,73	85	15		400.000	
203	2458010038	Nguyễn Ngọc Diệp	2024DH2	3,47	80	15		400.000	
204	2458010166	Mai Trang Thư	2024DH2	3,33	85	15		400.000	
205	2458010058	Nguyễn Thanh Hằng	2024DH2	3,33	85	15		400.000	
206	2458010150	Nguyễn Đức Toàn	2024DH2	3,27	84	15		400.000	
207	2458010078	Đặng Nguyễn Phương Linh	2024DH2	3,2	84	15		400.000	
208	2458010131	Vũ Thị Yến Nhi	2024DH3	3,67	100	15	600.000		
209	2458010175	Nguyễn Thị Huyền Trang	2024DH3	3,53	90	15		400.000	
210	2458010039	Phạm Nguyễn Thùy Dung	2024DH3	3,47	95	15		400.000	
211	2458010051	Nguyễn Thị Thu Hà	2024DH3	3,47	89	15		400.000	
212	2458010155	Lê Phương Thảo	2024DH3	3,47	84	15		400.000	
213	2458010163	Nông Phương Thúy	2024DH3	3,4	100	15		400.000	
214	2458010119	Nguyễn Thế Ngọc	2024DH3	3,4	89	15		400.000	
215	2458010143	Nguyễn Như Quỳnh	2024DH3	3,27	100	15		400.000	
216	2458010091	Trần Phương Linh	2024DH3	3,27	84	15		400.000	
217	2458010015	Nguyễn Thị Kim Anh	2024DH3	3,2	88	15		400.000	
	2458010112	Hoàng Nhật Nam	2024DH4	4	95	15	600.000		
219	2458010092	Trần Thảo Linh	2024DH4	4	90	15	600.000		
220	2458010168	Đỗ Ngân Thương	2024DH4	3,73	85	15		400.000	
221	2458010096	Vũ Thuý Diệu Linh	2024DH4	3,67	85	15		400.000	
222	2458010028	Nguyễn Thị Thanh Bình	2024DH4	3,53	85	15		400.000	
223	2458010108	Phạm Thị Trà My	2024DH4	3,47	90	15		400.000	

Anh

TT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐTB HK	ĐRL	SỐ TC	DANH HIỆU THI ĐUA		Ghi chú
							X.Sắc	Giỏi	
224	2458010084	Nguyễn Ngọc Phương Linh	2024DH4	3,47	85	15		400.000	
225	2458010128	Lê Yến Nhi	2024DH4	3,33	95	15		400.000	
226	2458010020	Phan Minh Anh	2024DH4	3,33	80	15		400.000	
227	2458010068	Trần Thu Huyền	2024DH4	3,27	95	15		400.000	
228	2458010036	Đinh Ngọc Diệp	2024DH4	3,27	82	15		400.000	
229	2458010012	Nguyễn Ngọc Huyền Anh	2024DH4	3,2	82	15		400.000	
230	2458030023	Nguyễn Đức Thiện	2024DK	3,33	85	15		400.000	
231	2458040011	Nguyễn Thị Mai Duyên	2024TT1	3,2	94	15		400.000	
232	2458040040	Nguyễn Ngọc Linh	2024TT2	3,73	89	15		400.000	
233	2458040032	Đặng Mai Linh	2024TT2	3,73	84	15		400.000	
234	2458040070	Trần Thị Tâm	2024TT2	3,4	89	15		400.000	
235	2458040010	Trần Thị Ngọc Diệp	2024TT2	3,4	84	15		400.000	
236	2458040062	Trần Ánh Như	2024TT2	3,33	84	15		400.000	
		Số tiền					28.200.000	75.600.000	
		Số sinh viên					47	189	
		Tổng tiền					103.800.000		
Bằng chữ: Một trăm lẻ ba triệu tám trăm ngàn đồng./.									

Anh



DANH SÁCH SINH VIÊN KHOA QUẢN LÝ ĐÔ THỊ

ĐẠT DANH HIỆU: KHÁ, GIỎI, XUẤT SẮC HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024 - 2025

(Kèm theo QĐ 296/QĐ-ĐHKT-CT-CTSV ngày 09 tháng 10 năm 2025)

Đơn vị tính: VNĐ

TT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐTB HK	ĐRL	Số TC	DANH HIỆU THI ĐUA		Ghi chú
							Xuất sắc	Giỏi	
1	2151080242	Vũ Văn Nhân	2021QL1	3,38	90	21		400.000	
2	2151080320	Đặng Đình Thành	2021QL1	3,24	89	21		400.000	
3	2151080182	Đào Thị Thanh Lam	2021QL2	3,81	100	21	600.000		
4	2151080116	Đoàn Gia Hân	2021QL2	3,67	90	21	600.000		
5	2151080092	Thái Văn Đạt	2021QL2	3,62	95	21	600.000		
6	2151080261	Vương Thu Phương	2021QL2	3,48	84	21		400.000	
7	2151080051	Nguyễn Thị Như Bình	2021QL3	3,67	90	21	600.000		
8	2151080123	Hoàng Trung Hiếu	2021QL3	3,62	90	21	600.000		
9	2151080111	Phạm Thanh Hà	2021QL3	3,48	90	21		400.000	
10	2151080304	Nguyễn Thị Cẩm Tú	2021QL3	3,38	90	21		400.000	
11	2151080190	Nguyễn Hà Linh	2021QL3	3,29	84	21		400.000	
12	2151080220	Cao Hoàng Nam	2021QL3	3,24	89	21		400.000	
13	2151080287	Nguyễn Thị Hương Quỳnh	2021QL4	3,48	95	21		400.000	
14	2151080118	Đinh Thị Hiền	2021QL4	3,43	84	21		400.000	
15	2151080353	Phạm Trí Trung	2021QL4	3,43	84	21		400.000	
16	2151080299	Phạm Thị Thanh Tâm	2021QL4	3,43	84	21		400.000	
17	2151080245	Nguyễn Tuấn Phong	2021QL4	3,29	84	21		400.000	
18	2151080281	Vũ Anh Quân	2021QL4	3,24	84	21		400.000	
19	2151080011	Lê Hiền Anh	2021QL5	3,76	95	21	600.000		
20	2151080017	Nguyễn Ngọc Quang Anh	2021QL5	3,29	87	21		400.000	
21	2151080371	Chu Ngọc Long	2021QL5	3,29	87	21		400.000	
22	2151080276	Nguyễn Mạnh Quân	2021QL5	3,24	95	21		400.000	
23	2151080199	Nguyễn Thị Phương Loan	2021QL6	3,81	100	21	600.000		
24	2151080072	Đỗ Thị Mỹ Duyên	2021QL6	3,81	95	21	600.000		
25	2151080253	Đỗ Thanh Phương	2021QL6	3,71	95	21	600.000		
26	2151080084	Bùi Thành Đạt	2021QL6	3,67	100	21	600.000		
27	2151080138	Vũ Thái Hoàng	2021QL6	3,38	95	21		400.000	
28	2151080193	Nguyễn Thị Diệu Linh	2021QL6	3,33	95	21		400.000	
29	2153010001	Phạm Đỗ Bình An	2021KX1	3,82	90	17	600.000		
30	2153010104	Trương Thu Huyền	2021KX1	3,71	94	17	600.000		
31	2153010044	Bùi Thị Mỹ Chinh	2021KX1	3,71	90	17	600.000		
32	2153010124	Dương Thùy Linh	2021KX1	3,82	89	17		400.000	
33	2153010068	Nguyễn Thị Hương Giang	2021KX1	3,24	83	17		400.000	
34	2153010185	Nguyễn Thu Phương	2021KX2	4	95	17	600.000		

Handwritten signature/initials.

TT	MA SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐTB HK	ĐRL	Số TC	DANH HIỆU THI ĐUA		Ghi chú
							Xuất sắc	Giỏi	
35	2153010165	Đỗ Minh Ngọc	2021KX2	3,59	94	17		400.000	
36	2153010133	Phạm Thị Khánh Linh	2021KX2	3,47	95	17		400.000	
37	2153010093	Đặng Trần Hoàng	2021KX2	3,47	94	17		400.000	
38	2153010105	Vũ Thị Huyền	2021KX2	3,41	94	17		400.000	
39	2153010041	Tổng Thị Phương Chi	2021KX2	3,24	97	17		400.000	
40	2153010025	Tăng Nguyễn Phương Anh	2021KX2	3,24	95	17		400.000	
41	2153010077	Đỗ Thị Thu Hằng	2021KX2	3,24	84	17		400.000	
42	2153010106	Vũ Thị Thanh Huyền	2021KX3	3,88	95	17	600.000		
43	2153010178	Hà Khánh Như	2021KX3	3,71	100	17	600.000		
44	2153010230	Phạm Thị Anh Thư	2021KX3	3,71	100	17	600.000		
45	2153010078	Nguyễn Thu Hằng	2021KX3	3,65	100	17	600.000		
46	2153010054	Trần Thùy Dương	2021KX3	3,59	100	17		400.000	
47	2153010030	Hoàng Ngọc Ánh	2021KX3	3,47	100	17		400.000	
48	2153010070	Trần Thị Hồng Giang	2021KX3	3,41	100	17		400.000	
49	2153010011	Lê Đức Anh	2021KX3	3,41	85	17		400.000	
50	2153010202	Nguyễn Thị Tâm	2021KX3	3,35	95	17		400.000	
51	2153010170	Nguyễn Thị Nhân	2021KX3	3,29	94	17		400.000	
52	2153010134	Phùng Khánh Linh	2021KX3	3,29	88	17		400.000	
53	2153010075	Trần Ngọc Hạnh	2021KX4	3,35	91	17		400.000	
54	2156030035	Nguyễn Khánh Hà	2021RM1	3,69	100	19	600.000		
55	2156030026	Dương Đỗ Anh Dương	2021RM1	3,62	100	19	600.000		
56	2156030068	Lê Thị Hồng Ngọc	2021RM1	3,62	94	19	600.000		
57	2156030063	Lê Anh Minh	2021RM1	3,69	84	19		400.000	
58	2156030071	Nguyễn Lê Nhi	2021RM1	3,54	100	19		400.000	
59	2156030072	Trương Hồng Phúc	2021RM1	3,54	80	19		400.000	
60	2156030002	Đào Hải Anh	2021RM1	3,23	100	19		400.000	
61	2156030056	Ngô Thị Thu Linh	2021RM2	4	100	19	600.000		
62	2156030034	Đào Ngọc Nam Giao	2021RM2	4	100	19	600.000		
63	2156030014	Nguyễn Minh Châu	2021RM2	3,77	95	19	600.000		
64	2156030032	Lại Kim Giang	2021RM2	3,69	100	19	600.000		
65	2156030042	Phạm Minh Hiệp	2021RM2	3,69	95	19	600.000		
66	2156030028	Nguyễn Ngọc Ri Đan	2021RM2	3,62	95	19	600.000		
67	2156030036	Phạm Thu Hà	2021RM2	3,62	95	19	600.000		
68	2156030064	Hoàng Hải Nam	2021RM2	3,54	85	19		400.000	
69	2156030073	Nguyễn Thị Minh Phương	2021RM2	3,46	100	19		400.000	
70	2156030018	Phạm Trần Chính	2021RM2	3,46	95	19		400.000	
71	2156030022	Nguyễn Tấn Dũng	2021RM2	3,46	90	19		400.000	
72	2156030060	Trần Thị Cẩm Ly	2021RM2	3,38	95	19		400.000	

TT	MA SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐTB HK	ĐRL	Số TC	DANH HIỆU THI ĐUA		Ghi chú
							Xuất sắc	Giỏi	
73	2156030069	Nguyễn Bá Ngọc	2021RM2	3,38	95	19		400.000	
74	2156030078	Đinh Hồng Quân	2021RM2	3,31	99	19		400.000	
75	2156030047	Nguyễn Thị Thu Huệ	2021RM2	3,31	94	19		400.000	
76	2156030052	Phạm Quỳnh Hương	2021RM2	3,31	94	19		400.000	
77	2156030048	Vũ Thị Hương Huệ	2021RM2	3,23	100	19		400.000	
78	2156030020	Nguyễn Thùy Dung	2021RM2	3,23	94	19		400.000	
79	2251080043	Vũ Thị Khánh Huyền	2022QL1	4	100	18	600.000		
80	2251080039	Nguyễn Mai Huyền	2022QL1	3,78	100	18	600.000		
81	2251080021	Vương Khánh Chi	2022QL1	3,61	100	18	600.000		
82	2251080113	Phạm Thị Hải Yến	2022QL1	3,67	85	18		400.000	
83	2251080057	Đào Mai Linh	2022QL1	3,39	100	18		400.000	
84	2251080012	Trần Phương Anh	2022QL2	3,5	89	18		400.000	
85	2251080004	Lê Lan Anh	2022QL2	3,5	85	18		400.000	
86	2251080010	Trần Ngọc Anh	2022QL2	3,44	89	18		400.000	
87	2251080066	Hoàng Lê My	2022QL2	3,39	82	18		400.000	
88	2251080060	Phạm Phương Linh	2022QL2	3,28	89	18		400.000	
89	2251080028	Bùi Thị Hoàng Giang	2022QL2	3,22	99	18		400.000	
90	2251080056	Nguyễn Tùng Lâm	2022QL2	3,22	84	18		400.000	
91	2253010001	Bùi Thị Khánh An	2022KX1	4	100	19	600.000		
92	2253010095	Nguyễn Hồng Thái	2022KX1	3,89	90	19	600.000		
93	2253010019	Nguyễn Thị Vân Dung	2022KX1	3,67	95	19	600.000		
94	2253010017	Trần Đặng Ánh Châu	2022KX1	3,67	90	19	600.000		
95	2253010109	Đoàn Thanh Trà	2022KX1	3,56	94	19		400.000	
96	2253010061	Nguyễn Thị Ngọc Mai	2022KX1	3,44	90	19		400.000	
97	2253010089	Phạm Văn Quyển	2022KX1	3,44	89	19		400.000	
98	2253010073	Lê Vũ Uyên Nhi	2022KX1	3,44	85	19		400.000	
99	2253010105	Nguyễn Thị Thúy	2022KX1	3,39	95	19		400.000	
100	2253010043	Nguyễn Hữu Quang	2022KX1	3,39	94	19		400.000	
101	2253010049	Nguyễn Hoàng Lâm	2022KX1	3,39	94	19		400.000	
102	2253010091	Nguyễn Thị Hương Quỳnh	2022KX1	3,39	89	19		400.000	
103	2253010063	Lại Đức Minh	2022KX1	3,39	84	19		400.000	
104	2253010079	Nguyễn Mai Phương	2022KX1	3,33	100	19		400.000	
105	2253010007	Nguyễn Nhật Anh	2022KX1	3,33	90	19		400.000	
106	2253010029	Huỳnh Thanh Hà	2022KX1	3,33	89	19		400.000	
107	2253010097	Trần Thị Phương Thanh	2022KX1	3,28	100	19		400.000	
108	2253010021	Đoàn Thị Bích Duyên	2022KX1	3,28	89	19		400.000	
109	2253010101	Trịnh Thị Phương Thảo	2022KX1	3,22	95	19		400.000	
110	2253010119	Nguyễn Thành Vinh	2022KX1	3,22	90	19		400.000	



STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐTB HK	ĐRL	Số TC	DANH HIỆU THI ĐUA		Ghi chú
							Xuất sắc	Giỏi	
111	2253010066	Nguyễn Tuyết Nga	2022KX2	3,89	100	19	600.000		
112	2253010096	Trần Danh Thái	2022KX2	3,89	100	19	600.000		
113	2253010064	Nguyễn Nhật Minh	2022KX2	3,78	95	19	600.000		
114	2253010056	Phạm Thị Mai Linh	2022KX2	3,78	90	19	600.000		
115	2253010114	Trần Hoàng Thu Trang	2022KX2	3,67	95	19	600.000		
116	2253010107	Cần Anh Thư	2022KX2	3,56	100	19		400.000	
117	2253010050	Hoàng Thị Liên	2022KX2	3,44	90	19		400.000	
118	2253010104	Phạm Thu Thủy	2022KX2	3,44	90	19		400.000	
119	2253010052	Lê Thùy Linh	2022KX2	3,44	80	19		400.000	
120	2253010012	Nguyễn Thị Phương Anh	2022KX2	3,33	94	19		400.000	
121	2253010084	Đỗ Duy Quang	2022KX2	3,33	91	19		400.000	
122	2253010086	Nguyễn Thọ Hồng Quân	2022KX2	3,33	81	19		400.000	
123	2253010054	Nguyễn Mai Linh	2022KX2	3,28	82	19		400.000	
124	2253010006	Nguyễn Minh Anh	2022KX2	3,22	84	19		400.000	
125	2253010048	Nguyễn Vũ Khang	2022KX2	3,22	84	19		400.000	
126	2256030046	Nguyễn Thị Thành	2022RM	3,88	100	17	600.000		
127	2256030055	Lê Mai Ái Vân	2022RM	3,69	100	17	600.000		
128	2256030053	Trần Bảo Trân	2022RM	3,63	100	17	600.000		
129	2256030005	Phạm Thị Quỳnh Anh	2022RM	3,5	100	17		400.000	
130	2256030014	Trần Ngân Giang	2022RM	3,5	100	17		400.000	
131	2256030050	Nguyễn Kiều Thương	2022RM	3,5	94	17		400.000	
132	2256030010	Nguyễn Bảo Châu	2022RM	3,31	94	17		400.000	
133	2256030013	Nguyễn Hương Giang	2022RM	3,31	84	17		400.000	
134	2253030002	Nguyễn Quỳnh Anh	2022TL	4	100	21	600.000		
135	2253030025	Nguyễn Khánh Ly	2022TL	4	95	21	600.000		
136	2253030027	Trần Thị Hằng Nga	2022TL	4	95	21	600.000		
137	2253030050	Ngô Phúc Ánh Vân	2022TL	3,86	100	21	600.000		
138	2253030008	Trần Thị Mỹ Duyên	2022TL	3,86	100	21	600.000		
139	2253030045	Nguyễn Anh Thư	2022TL	3,86	95	21	600.000		
140	2253030031	Vũ Thu Phương	2022TL	3,76	100	21	600.000		
141	2253030047	Nguyễn Thị Huyền Trang	2022TL	3,76	100	21	600.000		
142	2253030036	Đào Thanh Tú	2022TL	3,76	100	21	600.000		
143	2253030043	Nguyễn Thị Thảo	2022TL	3,76	95	21	600.000		
144	2253030016	Đặng Văn Hùng	2022TL	3,71	100	21	600.000		
145	2253030012	Vũ Thùy Giang	2022TL	3,71	95	21	600.000		
146	2253030013	Phan Mỹ Hạnh	2022TL	3,71	90	21	600.000		
147	2253030032	Phan Thế Quân	2022TL	3,67	100	21	600.000		
148	2253030056	Nguyễn Hải Yến	2022TL	3,67	95	21	600.000		

Ánh

TT	MA SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐTB HK	ĐRL	Số TC	DANH HIỆU THI ĐUA		Ghi chú
							Xuất sắc	Giỏi	
149	2253030017	Nguyễn Đăng Khoa	2022TL	3,67	95	21	600.000		
150	2253030035	Đặng Minh Tâm	2022TL	3,62	95	21	600.000		
151	2253030029	Phan Hồng Nhung	2022TL	3,67	80	21		400.000	
152	2253030006	Phan Hải Bằng	2022TL	3,62	85	21		400.000	
153	2253030030	Nguyễn Thị Ánh Như	2022TL	3,52	100	21		400.000	
154	2253030039	Lưu Thị Tường	2022TL	3,52	80	21		400.000	
155	2253030037	Trần Văn Tú	2022TL	3,48	85	21		400.000	
156	2253030057	Nguyễn Thị Yến Nhi	2022TL	3,43	100	21		400.000	
157	2253030018	Nguyễn Nhật Lệ	2022TL	3,43	95	21		400.000	
158	2253030007	Nguyễn Mai Chi	2022TL	3,43	95	21		400.000	
159	2253030033	Tô Xuân Quyền	2022TL	3,43	95	21		400.000	
160	2253030019	Bùi Ngọc Linh	2022TL	3,43	93	21		400.000	
161	2253030052	Bùi Tiến Việt	2022TL	3,43	90	21		400.000	
162	2253030011	Trần Mai Giang	2022TL	3,38	95	21		400.000	
163	2253030020	Ngô Mai Linh	2022TL	3,33	100	21		400.000	
164	2253030014	Lê Minh Hiếu	2022TL	3,33	94	21		400.000	
165	2253030034	Nguyễn Thị Quỳnh	2022TL	3,29	98	21		400.000	
166	2253030026	Lưu Thị Nga	2022TL	3,29	95	21		400.000	
167	2253030046	Phạm Thị Thương	2022TL	3,29	93	21		400.000	
168	2253030048	Phạm Khánh Trúc	2022TL	3,29	80	21		400.000	
169	2253030010	Lê Hương Giang	2022TL	3,24	100	21		400.000	
170	2253030005	Nguyễn Văn Bắc	2022TL	3,24	90	21		400.000	
171	2253020036	Nguyễn Thị Nhung	2022IE	3,65	95	26	600.000		
172	2253020023	Đỗ Phương Linh	2022IE	3,48	95	26		400.000	
173	2253020022	Đặng Thị Hoài Linh	2022IE	3,43	95	26		400.000	
174	2253020001	Lương Thanh An	2022IE	3,3	91	26		400.000	
175	2253020012	Bùi Mai Dung	2022IE	3,26	90	26		400.000	
176	2253020025	Trần Thị Mai Linh	2022IE	3,26	89	26		400.000	
177	2253020007	Nguyễn Thị Hồng Anh	2022IE	3,26	89	26		400.000	
178	2253020005	Nguyễn Thị Vân Anh	2022IE	3,26	90	26		400.000	
179	2253020038	Nguyễn Nguyệt Phụng	2022IE	3,22	88	26		400.000	
180	2253040037	Phạm Trần Thùy Linh	2022DE	3,67	90	24	600.000		
181	2253040041	Nguyễn Nhật Minh	2022DE	3,63	95	24	600.000		
182	2253040002	Dương Quỳnh Anh	2022DE	3,63	84	24		400.000	
183	2253040055	Bùi Đức Tài	2022DE	3,5	89	24		400.000	
184	2253040008	Nguyễn Phương Quỳnh Anh	2022DE	3,46	89	24		400.000	
185	2253040045	Vũ Ngọc Nam	2022DE	3,42	85	24		400.000	
186	2253040016	Nguyễn Thị Ngọc Bích	2022DE	3,38	95	24		400.000	



TT	MA SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐTB HK	ĐRL	Số TC	DANH HIỆU THI ĐUA		Ghi chú
							Xuất sắc	Giỏi	
187	2253040046	Nguyễn Bảo Ngọc	2022DE	3,38	90	24		400.000	
188	2253040033	Lương Ngọc Lan	2022DE	3,33	80	24		400.000	
189	2253040054	Hoàng Thị Như Quỳnh	2022DE	3,29	80	24		400.000	
190	2253040059	Nguyễn Linh Trang	2022DE	3,21	89	24		400.000	
191	2253040061	Phạm Văn Trường	2022DE	3,21	84	24		400.000	
192	2351080005	Nguyễn Ngọc Anh	2023QL1	3,38	95	20		400.000	
193	2351080036	Trần Thanh Hằng	2023QL2	3,5	100	20		400.000	
194	2353010103	Trần Thu Trang	2023KX1	3,35	100	18		400.000	
195	2353010015	Trần Quỳnh Anh	2023KX1	3,35	90	18		400.000	
196	2353010075	Đỗ Phương Oanh	2023KX1	3,24	95	18		400.000	
197	2353010047	Phạm Thị Minh Khuê	2023KX1	3,24	90	18		400.000	
198	2353010058	Đào Khánh Ly	2023KX2	4	100	18	600.000		
199	2353010070	Đào Huyền Nhi	2023KX2	3,29	90	18		400.000	
200	2356030048	Nguyễn Thị Thanh	2023RM	3,71	100	17	600.000		
201	2356030023	Trần Trọng Hưng	2023RM	3,59	100	17		400.000	
202	2356030001	Hoàng Phan Duy An	2023RM	3,29	99	17		400.000	
203	2356030050	Nguyễn Thị Thu Thảo	2023RM	3,29	94	17		400.000	
204	2356030038	Lữ Thị Yến Nhi	2023RM	3,29	90	17		400.000	
205	2356030018	Lê Hoàng	2023RM	3,29	90	17		400.000	
206	2356030004	Nguyễn Thị Ngọc Anh	2023RM	3,29	89	17		400.000	
207	2356030058	Nhâm Thị Khánh Vy	2023RM	3,24	95	17		400.000	
208	2353030038	Lê Thị Bảo Nhật	2023TL	3,57	95	24		400.000	
209	2353030059	Phạm Nhật Vỹ	2023TL	3,57	94	24		400.000	
210	2353030032	Nguyễn Thị Thanh Mai	2023TL	3,52	100	24		400.000	
211	2353030030	Dương Thị Kim Liên	2023TL	3,52	95	24		400.000	
212	2353030019	Phạm Thu Hoài	2023TL	3,52	95	24		400.000	
213	2353030017	Vũ Duy Hiệp	2023TL	3,52	94	24		400.000	
214	2353030029	Nguyễn Tùng Lâm	2023TL	3,52	90	24		400.000	
215	2353030036	Đoàn Thị Kim Ngân	2023TL	3,48	90	24		400.000	
216	2353030023	Nguyễn Doãn Trường Huy	2023TL	3,48	80	24		400.000	
217	2353030015	Nguyễn Hữu Hào	2023TL	3,43	95	24		400.000	
218	2353030014	Phạm Văn Hạnh	2023TL	3,43	90	24		400.000	
219	2353030016	Phạm Thị Thu Hiền	2023TL	3,38	100	24		400.000	
220	2353030033	Nguyễn Thị Bình Minh	2023TL	3,38	90	24		400.000	
221	2353030025	Phạm Mai Hương	2023TL	3,38	90	24		400.000	
222	2353030024	Nguyễn Khánh Huyền	2023TL	3,29	100	24		400.000	
223	2353030055	Đinh Thị Huyền Trang	2023TL	3,29	95	24		400.000	
224	2353030005	Trương Thị Hồng Anh	2023TL	3,29	95	24		400.000	

Aut

TT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐTB HK	ĐRL	Số TC	DANH HIỆU THI ĐUA		Ghi chú
							Xuất sắc	Giỏi	
225	2353030057	Võ Thị Ngọc Vinh	2023TL	3,29	93	24		400.000	
226	2353030020	Trần Mai Thu Hoài	2023TL	3,29	90	24		400.000	
227	2353030040	Nguyễn Phú Quý	2023TL	3,29	80	24		400.000	
228	2353030049	Trần Tuấn Thành	2023TL	3,24	95	24		400.000	
229	2353030052	Mai Thị Phương Thảo	2023TL	3,24	94	24		400.000	
230	2353020027	Trần Thị Ngọc Linh	2023IE	3,82	95	22	600.000		
231	2353020041	Giáp Thị Tuyết Như	2023IE	3,73	95	22	600.000		
232	2353020058	Trần Thị Mỹ Vân	2023IE	3,73	95	22	600.000		
233	2353020049	Cao Minh Thu	2023IE	3,73	90	22	600.000		
234	2353020042	Phan Thị Hoài Như	2023IE	3,73	90	22	600.000		
235	2353020059	Vũ Thế Vũ	2023IE	3,68	95	22	600.000		
236	2353020038	Nguyễn Vũ Kim Ngân	2023IE	3,64	85	22		400.000	
237	2353020007	Nguyễn Đức Duy	2023IE	3,59	100	22		400.000	
238	2353020035	Hoàng Trà My	2023IE	3,59	90	22		400.000	
239	2353020009	Hoàng Tùng Dương	2023IE	3,36	83	22		400.000	
240	2353020001	Bùi Thị Quỳnh Anh	2023IE	3,32	100	22		400.000	
241	2353020024	Đinh Thị Mai Linh	2023IE	3,32	95	22		400.000	
242	2353020025	Lê Thùy Linh	2023IE	3,32	90	22		400.000	
243	2353040006	Nguyễn Hoàng Ngọc Ánh	2023DE	3,63	100	24	600.000		
244	2353040026	Lê Hải Linh	2023DE	3,63	100	24	600.000		
245	2353040014	Trương Thúy Hằng	2023DE	3,46	100	24		400.000	
246	2353040027	Phạm Ngọc Linh	2023DE	3,46	95	24		400.000	
247	2353040022	Hoàng Mai Hương	2023DE	3,42	100	24		400.000	
248	2353040021	Vương Khánh Huyền	2023DE	3,29	92	24		400.000	
249	2353040002	Nguyễn Thị Vân Anh	2023DE	3,29	89	24		400.000	
250	2353040063	Ngô Phương Yến	2023DE	3,25	97	24		400.000	
251	2353040013	Nguyễn Danh Đường	2023DE	3,25	93	24		400.000	
252	2451080006	Nguyễn Huy Bảo Anh	2024QL3	3,47	90	16		400.000	
253	2451080142	Lưu Tổ Uyên	2024QL3	3,4	98	16		400.000	
254	2451080059	Nguyễn An Huỳnh	2024QL3	3,33	89	16		400.000	
255	2453010021	Trần Linh Chi	2024KX1	3,65	90	18	600.000		
256	2453010064	Hà Thu Hương	2024KX2	3,65	100	18	600.000		
257	2453010076	Đoàn Trang Linh	2024KX2	3,29	90	18		400.000	
258	2453010137	Đồng Thị Diệu Trinh	2024KX3	3,53	100	18		400.000	
259	2453010093	Phùng Thị Bích Ngọc	2024KX3	3,53	95	18		400.000	
260	2453010141	Nguyễn Thu Uyên	2024KX3	3,53	90	18		400.000	
261	2453010136	Phạm Thị Huyền Trang	2024KX3	3,41	95	18		400.000	
262	2453010008	Lương Thị Phương Anh	2024KX3	3,41	90	18		400.000	

TT	MA SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐTB HK	ĐRL	Số TC	DANH HIỆU THI ĐUA		Ghi chú
							Xuất sắc	Giỏi	
263	2453010082	Thân Đức Lương	2024KX3	3,29	100	18		400.000	
264	2453030003	Nguyễn Hữu Nam Anh	2024TL	3,53	100	18		400.000	
265	2453030035	Phạm Như Quỳnh	2024TL	3,53	90	18		400.000	
266	2453030047	Tô Huy Cường	2024TL	3,53	90	18		400.000	
267	2453030048	Đoàn Vũ Văn Anh	2024TL	3,41	95	18		400.000	
268	2453030038	Trần Thị Thanh Thảo	2024TL	3,41	94	18		400.000	
269	2453030021	Nguyễn Duy Linh	2024TL	3,41	85	18		400.000	
270	2453030017	Nguyễn Thị Hải Hằng	2024TL	3,41	84	18		400.000	
271	2453030040	Bùi Đỗ Thiện	2024TL	3,41	84	18		400.000	
272	2453030006	Nguyễn Phương Anh	2024TL	3,35	94	18		400.000	
273	2453030012	Nguyễn Thị Chi	2024TL	3,29	100	18		400.000	
274	2453030005	Nguyễn Nhật Anh	2024TL	3,29	89	18		400.000	
275	2453030027	Vũ Tuấn Minh	2024TL	3,29	85	18		400.000	
276	2453020027	Nguyễn Thị Kim Ngân	2024IE	3,78	100	19	600.000		
277	2453020028	Lại Thị Ánh Nguyệt	2024IE	3,67	95	19	600.000		
278	2453020015	Nguyễn Thị Thanh Huyền	2024IE	3,56	95	19		400.000	
279	2453020044	Nguyễn Thị Hải Thương	2024IE	3,56	90	19		400.000	
280	2453020046	Trịnh Thị Lan Trang	2024IE	3,33	90	19		400.000	
281	2453040015	Lê Thu Huyền	2024DE	3,41	100	18		400.000	
282	2453040002	Nguyễn Minh Châu	2024DE	3,35	95	18		400.000	
283	2453040038	Tổng Thị Phương Thảo	2024DE	3,24	95	18		400.000	
		Số tiền					46.200.000	82.400.000	
		Số sinh viên					77	206	
		Tổng tiền					128.600.000		

(Bảng chữ: Một trăm hai mươi tám triệu sáu trăm ngàn đồng./.)

Adh



DANH SÁCH SINH VIÊN KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

ĐẠT DANH HIỆU: KHÁ, GIỎI, XUẤT SẮC HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024 - 2025

(Kèm theo QĐ 296/QĐ-ĐHKT-CT-CTSV ngày 09 tháng 10 năm 2025)

Đơn vị tính: VNĐ

TT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐTB HK	ĐRL	Số TC	DANH HIỆU THI ĐUA		Ghi chú
							Xuất sắc	Giỏi	
1	2155020107	Lê Hồng Vân	2021CDP1	3,81	99	16	600.000		
2	2155020053	Trần Hà Linh	2021CDP1	3,81	95	16	600.000		
3	2155020095	Đinh Thị Linh Trang	2021CDP1	3,88	85	16		400.000	
4	2155020027	Võ Ngọc Hân	2021CDP1	3,88	84	16		400.000	
5	2155020059	Trần Hiền Mai	2021CDP1	3,81	85	16		400.000	
6	2155020003	Đỗ Minh Anh	2021CDP1	3,69	84	16		400.000	
7	2155020101	Nguyễn Thị Huyền Trang	2021CDP1	3,69	80	16		400.000	
8	2155020081	Bùi Cao Sơn	2021CDP1	3,63	84	16		400.000	
9	2155020067	Nguyễn Thị Thu Ngân	2021CDP1	3,63	82	16		400.000	
10	2155020017	Đặng Yến Dung	2021CDP1	3,5	84	16		400.000	
11	2155020079	Vũ Minh Quân	2021CDP1	3,44	82	16		400.000	
12	2155020032	Trần Diệu Hoa	2021CDP2	3,88	100	16	600.000		
13	2155020064	Nguyễn Trà My	2021CDP2	3,81	100	16	600.000		
14	2155020100	Nguyễn Thị Huyền Trang	2021CDP2	3,81	100	16	600.000		
15	2155020024	Đặng Thu Hà	2021CDP2	3,81	99	16	600.000		
16	2155020044	Đỗ Năng Khoa	2021CDP2	3,63	84	16		400.000	
17	2155020010	Trần Nguyễn Bảo Anh	2021CDP2	3,5	82	16		400.000	
18	2155020016	Nguyễn Thị Huyền Diệu	2021CDP2	3,44	100	16		400.000	
19	2155020096	Đỗ Thị Kiều Trang	2021CDP2	3,44	94	16		400.000	
20	2155020106	Đoàn Thị Uyên	2021CDP2	3,38	94	16		400.000	
21	2155020048	Lưu Khánh Linh	2021CDP2	3,31	99	16		400.000	
22	2155020070	Nguyễn Yến Nhi	2021CDP2	3,31	94	16		400.000	
23	2155020108	Phùng Thị Phương Vi	2021CDP2	3,31	92	16		400.000	
24	2155020058	Nguyễn Thanh Mai	2021CDP2	3,31	87	16		400.000	
25	2155020050	Nguyễn Thị Thảo Linh	2021CDP2	3,31	87	16		400.000	
26	2155010001	Đỗ Hồng An	2021CN1	3,83	100	18	600.000		
27	2155010016	Nguyễn Việt Anh	2021CN1	3,83	99	18	600.000		
28	2155010151	Nguyễn Vũ Minh Long	2021CN1	3,83	98	18	600.000		
29	2155010246	Lê Phương Thảo	2021CN1	3,67	99	18	600.000		
30	2155010056	Nguyễn Thị Duyên	2021CN1	3,67	99	18	600.000		
31	2155010196	Nguyễn Hồng Phi	2021CN1	3,67	92	18	600.000		
32	2155010146	Nguyễn Thảo Linh	2021CN1	3,67	87	18		400.000	
33	2155010156	Vũ Hải Long	2021CN1	3,5	92	18		400.000	
34	2155010236	Nguyễn Hữu Tuấn	2021CN1	3,5	87	18		400.000	

Sub

TT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐTB HK	ĐRL	Số TC	DANH HIỆU THI ĐUA		Ghi chú
							Xuất sắc	Giỏi	
35	2155010211	Nguyễn Minh Quân	2021CN1	3,5	84	18		400.000	
36	2155010171	Nguyễn Tuấn Minh	2021CN1	3,5	82	18		400.000	
37	2155010066	Nguyễn Duy Đạt	2021CN1	3,33	92	18		400.000	
38	2155010256	Nguyễn Thị Anh Thư	2021CN1	3,33	87	18		400.000	
39	2155010226	Hà Huy Tân	2021CN1	3,33	87	18		400.000	
40	2155010071	Trần Thành Đăng	2021CN1	3,33	80	18		400.000	
41	2155010072	Mai Xuân Điệp	2021CN2	3,5	84	18		400.000	
42	2155010067	Nguyễn Hữu Thành Đạt	2021CN2	3,33	97	18		400.000	
43	2155010222	Lường Ngọc Sơn	2021CN2	3,33	88	18		400.000	
44	2155010037	Nguyễn Đỗ Công	2021CN2	3,33	84	18		400.000	
45	2155010147	Nguyễn Thị Phương Linh	2021CN2	3,33	83	18		400.000	
46	2155010143	Đặng Hoàng Lâm	2021CN3	4	98	18	600.000		
47	2155010218	Bùi Mạnh Sơn	2021CN3	3,83	100	18	600.000		
48	2155010163	Nguyễn Đức Mạnh	2021CN3	3,83	99	18	600.000		
49	2155010118	Đàm Đức Huy	2021CN3	3,67	100	18	600.000		
50	2155010283	Phạm Văn Vinh	2021CN3	3,67	99	18	600.000		
51	2155010018	Phạm Ngọc Anh	2021CN3	3,5	100	18		400.000	
52	2155010023	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	2021CN3	3,5	99	18		400.000	
53	2155010203	Nguyễn Mai Phương	2021CN3	3,5	97	18		400.000	
54	2155010248	Vũ Mai Thi	2021CN3	3,5	93	18		400.000	
55	2155010263	Nguyễn Hà Trang	2021CN3	3,33	85	18		400.000	
56	2155010158	Phạm Ngọc Lộc	2021CN3	3,33	82	18		400.000	
57	2155010089	Tạ Thị Hậu	2021CN4	3,67	99	18	600.000		
58	2155010164	Nguyễn Trường Mạnh	2021CN4	3,67	82	18		400.000	
59	2155010084	Lý Sơn Hải	2021CN4	3,5	99	18		400.000	
60	2155010104	Nguyễn Việt Hoàng	2021CN4	3,5	94	18		400.000	
61	2155010149	Vũ Văn Linh	2021CN4	3,5	82	18		400.000	
62	2155010129	Nguyễn Tấn Hưng	2021CN4	3,33	94	18		400.000	
63	2155010090	Lê Thu Hiền	2021CN5	4	100	18	600.000		
64	2155010065	Nguyễn Bá Đạo	2021CN5	3,67	100	18	600.000		
65	2155010125	Nguyễn Thị Huyền	2021CN5	3,67	100	18	600.000		
66	2155010085	Nguyễn Thanh Hải	2021CN5	3,67	100	18	600.000		
67	2155010120	Lê Quang Huy	2021CN5	3,67	99	18	600.000		
68	2155010130	Phạm Quang Hưng	2021CN5	3,5	87	18		400.000	
69	2155010175	Nguyễn Hải Nam	2021CN5	3,33	82	18		400.000	
70	2255020016	Phùng Đức Đăng	2022CDP	3,83	100	18	600.000		
71	2255020040	Đỗ Thị Thùy Nga	2022CDP	3,39	92	18		400.000	
72	2255020046	Đặng Thị Nhung	2022CDP	3,39	87	18		400.000	

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐTB HK	ĐRL	Số TC	DANH HIỆU THI ĐUA		Ghi chú
							Xuất sắc	Giỏi	
73	2255020034	Ngô Thị Thùy Linh	2022CDP	3,33	87	18		400.000	
74	2255020049	Đỗ Danh Bảo Sơn	2022CDP	3,33	87	18		400.000	
75	2255020015	Nguyễn Tùng Dương	2022CDP	3,28	99	18		400.000	
76	2255020020	Ngô Gia Hào	2022CDP	3,28	99	18		400.000	
77	2255020008	Nguyễn Văn Bạo	2022CDP	3,28	94	18		400.000	
78	2255020043	Nguyễn Bích Ngọc	2022CDP	3,22	87	18		400.000	
79	2255020012	Nguyễn Đức Duy	2022CDP	3,22	82	18		400.000	
80	2255010066	Nguyễn Thị Hương Giang	2022CN1	4	100	18	600.000		
81	2255010251	Nguyễn Duy Việt	2022CN1	3,83	100	18	600.000		
82	2255010016	Dương Quốc Bảo	2022CN1	3,83	100	18	600.000		
83	2255010096	Nguyễn Quang Hùng	2022CN1	3,83	100	18	600.000		
84	2255010011	Vũ Lan Anh	2022CN1	3,83	100	18	600.000		
85	2255010001	Phạm Bình An	2022CN1	3,67	99	18	600.000		
86	2255010136	Nguyễn Anh Minh	2022CN1	3,67	99	18	600.000		
87	2255010106	Nguyễn Thu Hường	2022CN1	3,67	99	18	600.000		
88	2255010006	Nguyễn Lan Anh	2022CN1	3,67	99	18	600.000		
89	2255010121	Nguyễn Ngọc Lâm	2022CN1	3,5	99	18		400.000	
90	2255010126	Trịnh Thùy Linh	2022CN1	3,5	98	18		400.000	
91	2255010246	Lương Nhật Trường	2022CN1	3,5	98	18		400.000	
92	2255010211	Vũ Anh Tuấn	2022CN1	3,5	92	18		400.000	
93	2255010021	Nguyễn Đình Đức Biên	2022CN1	3,33	97	18		400.000	
94	2255010146	Trần Thúy Nga	2022CN1	3,33	97	18		400.000	
95	2255010111	Trần Văn Khải	2022CN1	3,33	88	18		400.000	
96	2255010131	Nguyễn Khánh Luân	2022CN1	3,33	82	18		400.000	
97	2255010206	Vũ Kim Tú	2022CN1	3,33	81	18		400.000	
98	2255010086	Vũ Minh Hòa	2022CN1	3,33	80	18		400.000	
99	2255010152	Trần Thị Bảo Ngọc	2022CN2	4	100	18	600.000		
100	2255010197	Nguyễn Thủy Tiên	2022CN2	3,83	100	18	600.000		
101	2255010002	Đặng Phương Anh	2022CN2	3,83	99	18	600.000		
102	2255010027	Phạm Thị Minh Châu	2022CN2	3,83	97	18	600.000		
103	2255010257	Lê Như Vũ	2022CN2	3,67	100	18	600.000		
104	2255010162	Đặng Quỳnh Như	2022CN2	3,67	99	18	600.000		
105	2255010077	Bùi Văn Hiếu	2022CN2	3,67	90	18	600.000		
106	2255010207	Chu Quốc Tuấn	2022CN2	3,67	82	18		400.000	
107	2255010172	Phan Thanh Quảng	2022CN2	3,5	99	18		400.000	
108	2255010012	Chu Thị Hồng Ánh	2022CN2	3,5	92	18		400.000	
109	2255010157	Nguyễn Thị Nguyệt	2022CN2	3,5	92	18		400.000	
110	2255010147	Vũ Hồng Ngân	2022CN2	3,33	92	18		400.000	

TT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐTB HK	ĐRL	Số TC	DANH HIỆU THI ĐUA		Ghi chú
							Xuất sắc	Giỏi	
111	2255010092	Trần Trung Hoàng	2022CN2	3,33	87	18		400.000	
112	2255010117	Nguyễn Đăng Khoa	2022CN2	3,33	85	18		400.000	
113	2255010022	Trần Thanh Bình	2022CN2	3,33	85	18		400.000	
114	2255010142	Nguyễn Đỗ Hải Nam	2022CN2	3,33	85	18		400.000	
115	2255010072	Hoàng Hữu Hậu	2022CN2	3,33	83	18		400.000	
116	2255010208	Nguyễn Duy Tuấn	2022CN3	3,83	100	18	600.000		
117	2255010233	Nguyễn Thị Thu Trang	2022CN3	3,67	100	18	600.000		
118	2255010103	Nguyễn Mai Huyền	2022CN3	3,67	99	18	600.000		
119	2255010138	Phạm Bình Minh	2022CN3	3,67	99	18	600.000		
120	2255010193	Nguyễn Văn Tâm	2022CN3	3,67	99	18	600.000		
121	2255010068	Cao Ngọc Hà	2022CN3	3,67	97	18	600.000		
122	2255010053	Đỗ Tiến Đạt	2022CN3	3,67	94	18	600.000		
123	2255010203	Lương Vi Tôn	2022CN3	3,67	92	18	600.000		
124	2255010118	Nguyễn Thị Ngọc Lan	2022CN3	3,5	94	18		400.000	
125	2255010083	Cù Thị Mai Hoa	2022CN3	3,5	82	18		400.000	
126	2255010248	Lê Minh Trường	2022CN3	3,33	94	18		400.000	
127	2255010093	Nguyễn Văn Hợp	2022CN3	3,33	94	18		400.000	
128	2255010184	Phạm Thế Sang	2022CN4	4	100	18	600.000		
129	2255010114	Nguyễn Duy Khánh	2022CN4	4	100	18	600.000		
130	2255010169	Nguyễn Kim Quang	2022CN4	3,83	100	18	600.000		
131	2255010074	Nguyễn Thị Hiền	2022CN4	3,83	99	18	600.000		
132	2255010054	Nguyễn Hữu Đạt	2022CN4	3,67	100	18	600.000		
133	2255010034	Hoàng Bích Diệp	2022CN4	3,67	100	18	600.000		
134	2255010099	Đỗ Văn Huy	2022CN4	3,67	99	18	600.000		
135	2255010239	Nguyễn Phú Trọng	2022CN4	3,5	99	18		400.000	
136	2255010199	Trần Văn Tiền	2022CN4	3,5	99	18		400.000	
137	2255010229	Tạ Thị Thủy	2022CN4	3,5	99	18		400.000	
138	2255010004	Nguyễn Bá Anh	2022CN4	3,5	97	18		400.000	
139	2255010209	Nguyễn Thanh Tuấn	2022CN4	3,5	92	18		400.000	
140	2255010179	Lê Văn Quyền	2022CN4	3,5	91	18		400.000	
141	2255010234	Nguyễn Thu Trang	2022CN4	3,5	91	18		400.000	
142	2255010104	Nguyễn Thị Huyền	2022CN4	3,5	86	18		400.000	
143	2255010064	Lộc Hương Giang	2022CN4	3,33	99	18		400.000	
144	2255010259	Nguyễn Đức Vượng	2022CN4	3,33	97	18		400.000	
145	2255010019	Trần Quốc Bảo	2022CN4	3,33	94	18		400.000	
146	2255010249	Đỗ Thị Vi	2022CN4	3,33	94	18		400.000	
147	2255010129	Nguyễn Văn Long	2022CN4	3,33	92	18		400.000	
148	2255010069	Phan Thị Ngọc Hải	2022CN4	3,33	87	18		400.000	

ANK



STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐTB HK	ĐRL	Số TC	DANH HIỆU THI ĐUA		Ghi chú
							Xuất sắc	Giỏi	
149	2255010084	Nguyễn Thị Hoa	2022CN4	3,33	82	18		400.000	
150	2255010105	Nguyễn Thị Thanh Huyền	2022CN5	4	100	18	600.000		
151	2255010085	Phạm Thị Hoa	2022CN5	3,83	100	18	600.000		
152	2255010075	Trương Công Hiên	2022CN5	3,83	100	18	600.000		
153	2255010125	Trần Diệu Linh	2022CN5	3,83	100	18	600.000		
154	2255010160	Phan Như Nhật	2022CN5	3,67	100	18	600.000		
155	2255010230	Trần Thị Hồng Thương	2022CN5	3,67	99	18	600.000		
156	2255010255	Hà Nguyên Vũ	2022CN5	3,67	99	18	600.000		
157	2255010145	Trương Thành Nam	2022CN5	3,67	99	18	600.000		
158	2255010205	Nguyễn Anh Tú	2022CN5	3,67	84	18		400.000	
159	2255010240	Nguyễn Huy Trung	2022CN5	3,67	84	18		400.000	
160	2255010220	Nguyễn Hương Thảo	2022CN5	3,5	100	18		400.000	
161	2255010045	Trần Thị Duyên	2022CN5	3,5	99	18		400.000	
162	2255010090	Nguyễn Việt Hoàng	2022CN5	3,5	97	18		400.000	
163	2255010210	Trần Anh Tuấn	2022CN5	3,5	92	18		400.000	
164	2255010070	Vũ Đức Hải	2022CN5	3,5	92	18		400.000	
165	2255010150	Nguyễn Thị Minh Ngọc	2022CN5	3,5	85	18		400.000	
166	2255010195	Trịnh Duy Tân	2022CN5	3,5	84	18		400.000	
167	2255010170	Nguyễn Như Quang	2022CN5	3,5	82	18		400.000	
168	2255010250	Nguyễn Hùng Vĩ	2022CN5	3,33	94	18		400.000	
169	2255010020	Trần Văn Bảo	2022CN5	3,33	92	18		400.000	
170	2255010040	Đặng Thái Duy	2022CN5	3,33	84	18		400.000	
171	2255010140	Đinh Tuấn Nam	2022CN5	3,33	82	18		400.000	
172	2255010115	Nguyễn Đức Khánh	2022CN5	3,33	82	18		400.000	
173	2355020041	Trần Thị Huyền	2023CDP1	3,65	100	20	600.000		
174	2355020019	Nguyễn Đức Dũng	2023CDP1	3,5	94	20		400.000	
175	2355020065	Bùi Thị Phương Nghĩa	2023CDP1	3,45	100	20		400.000	
176	2355020057	Bùi Quốc Mạnh	2023CDP1	3,4	100	20		400.000	
177	2355020083	Trần Thị Thùy	2023CDP1	3,4	100	20		400.000	
178	2355020045	Nguyễn Thu Hường	2023CDP1	3,4	95	20		400.000	
179	2355020073	Bùi Minh Tâm	2023CDP1	3,4	94	20		400.000	
180	2355020051	Đỗ Thảo Linh	2023CDP1	3,35	92	20		400.000	
181	2355020023	Nguyễn Tiến Đạt	2023CDP1	3,3	87	20		400.000	
182	2355020075	Nguyễn Tiến Tiếp	2023CDP1	3,25	81	20		400.000	
183	2355020067	Cần Long Nhi	2023CDP1	3,2	94	20		400.000	
184	2355020014	Nguyễn Mai Chi	2023CDP2	3,65	100	20	600.000		
185	2355020022	Phạm Thùy Dương	2023CDP2	3,55	95	20		400.000	
186	2355020062	Vũ Thảo My	2023CDP2	3,5	100	20		400.000	

Anh

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐTB HK	ĐRL	Số TC	DANH HIỆU THI ĐUA		Ghi chú
							Xuất sắc	Giỏi	
187	2355020074	Nguyễn Lê Thủy Tiên	2023CDP2	3,5	95	20		400.000	
188	2355020052	Đỗ Thị Thu Linh	2023CDP2	3,4	93	20		400.000	
189	2355020042	Lưu Hoàng Tuấn Hưng	2023CDP2	3,35	100	20		400.000	
190	2355020006	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	2023CDP2	3,35	95	20		400.000	
191	2355020036	Khổng Thị Thanh Hoài	2023CDP2	3,3	95	20		400.000	
192	2355020082	Lương Văn Thòa	2023CDP2	3,3	83	20		400.000	
193	2355020018	Hà Anh Dũng	2023CDP2	3,25	95	20		400.000	
194	2355020002	Đặng Tiến Anh	2023CDP2	3,2	100	20		400.000	
195	2355020046	Lê Thị Vân Khánh	2023CDP2	3,2	95	20		400.000	
196	2355010085	Nguyễn Việt Hoàng	2023CN1	3,63	100	19	600.000		
197	2355010125	Trần Thị Khánh Linh	2023CN1	3,68	88	19		400.000	
198	2355010001	Hoàng Thị Bình An	2023CN1	3,58	95	19		400.000	
199	2355010197	Nguyễn Thùy Trang	2023CN1	3,47	95	19		400.000	
200	2355010069	Nguyễn Minh Đức	2023CN1	3,42	95	19		400.000	
201	2355010161	Lê Tiến Quân	2023CN1	3,32	95	19		400.000	
202	2355010173	Vũ Ngọc Sơn	2023CN1	3,26	93	19		400.000	
203	2355010041	Lê Ngọc Duy	2023CN1	3,26	88	19		400.000	
204	2355010089	Nguyễn Tiến Huân	2023CN1	3,21	95	19		400.000	
205	2355010021	Hoàng Minh Ánh	2023CN1	3,21	88	19		400.000	
206	2355010037	Lê Thị Dịu	2023CN1	3,21	81	19		400.000	
207	2355010114	Nguyễn Văn Quang Khải	2023CN2	3,69	92	16	600.000		
208	2355010062	Ngô Mạnh Điền	2023CN2	3,63	100	19	600.000		
209	2355010150	Tạ Minh Ngọc	2023CN2	3,58	88	19		400.000	
210	2355010158	Lê Hồng Phong	2023CN2	3,47	100	19		400.000	
211	2355010106	Nguyễn Thị Khánh Huyền	2023CN2	3,26	100	19		400.000	
212	2355010046	Hà Ánh Dương	2023CN2	3,26	95	19		400.000	
213	2355010038	Cù Huy Dũng	2023CN2	3,26	83	19		400.000	
214	2355010042	Lê Quốc Duy	2023CN2	3,21	95	19		400.000	
215	2355010071	Nguyễn Thị Giang	2023CN3	3,68	100	19	600.000		
216	2355010023	Dương Quốc Bảo	2023CN3	3,63	89	19		400.000	
217	2355010119	Vũ Quang Khánh	2023CN3	3,47	90	19		400.000	
218	2355010171	Đỗ Thái Sơn	2023CN3	3,44	93	16		400.000	
219	2355010147	Nguyễn Thị Hằng Nga	2023CN3	3,26	100	19		400.000	
220	2355010111	Nguyễn Thị Thảo Hương	2023CN3	3,21	99	19		400.000	
221	2355010027	Mai Xuân Bình	2023CN3	3,21	98	19		400.000	
222	2355010164	Vương Thị Tú Quyên	2023CN4	3,63	100	19	600.000		
223	2355010176	Nguyễn Thủy Tiên	2023CN4	3,53	100	19		400.000	
224	2355010144	Nguyễn Nhật Nam	2023CN4	3,53	95	19		400.000	

Anh

TT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐTBCTH	ĐRL	Số TC	DANH HIỆU THI ĐUA		Ghi chú
							Xuất sắc	Giỏi	
225	2355010116	Dương Tuấn Khanh	2023CN4	3,37	100	19		400.000	
226	2355010080	Nguyễn Trung Hiếu	2023CN4	3,37	100	19		400.000	
227	2355010112	Nguyễn Chí Hường	2023CN4	3,32	98	19		400.000	
228	2355010132	Phạm Tuấn Lộc	2023CN4	3,25	92	16		400.000	
229	2355010040	Bùi Quang Duy	2023CN4	3,21	100	19		400.000	
230	2355010196	Nguyễn Thùy Trang	2023CN4	3,21	100	19		400.000	
231	2355010032	Lê Khánh Chi	2023CN4	3,21	100	19		400.000	
232	2455020001	Bùi Hoài Anh	2024CDP1	3,63	80	23		400.000	
233	2455020025	Đinh Thị Thu Hà	2024CDP1	3,56	95	23		400.000	
234	2455020059	Nguyễn Văn Minh	2024CDP1	3,56	88	23		400.000	
235	2455020083	Phan Văn Quốc	2024CDP1	3,5	95	23		400.000	
236	2455020047	Nguyễn Thùy Linh	2024CDP1	3,44	95	23		400.000	
237	2455020017	Đỗ Bích Diệp	2024CDP1	3,44	94	23		400.000	
238	2455020063	Nguyễn Thị Bích Ngọc	2024CDP1	3,38	95	23		400.000	
239	2455020081	Vũ Thanh Phương	2024CDP1	3,25	94	23		400.000	
240	2455020041	Trịnh Thị Ngọc Lan	2024CDP1	3,25	93	23		400.000	
241	2455020071	Hoàng Ngọc Phong	2024CDP1	3,25	88	23		400.000	
242	2455020016	Phạm Kiều Diễm	2024CDP2	4	100	23	600.000		
243	2455020006	Nguyễn Lan Anh	2024CDP2	3,25	95	23		400.000	
244	2455020072	Nguyễn Đình Hoàng Phú	2024CDP2	3,25	88	23		400.000	
245	2455010109	Trần Thị Ngọc Khánh	2024CN1	3,73	100	22	600.000		
246	2455010101	Cao Thu Hương	2024CN1	3,67	100	22	600.000		
247	2455010061	Vũ Hồng Đình	2024CN1	3,4	95	22		400.000	
248	2455010093	Ngô Đức Huy	2024CN1	3,33	93	22		400.000	
249	2455010205	Nguyễn Thị Cẩm Vân	2024CN1	3,27	95	22		400.000	
250	2455010202	Nguyễn Đình Trường	2024CN2	3,73	100	22	600.000		
251	2455010102	Nguyễn Công Kiên	2024CN2	3,6	93	22	600.000		
252	2455010110	Nguyễn Hồng Khiêm	2024CN2	3,6	80	22		400.000	
253	2455010194	Nguyễn Thị Thùy Trang	2024CN2	3,4	95	22		400.000	
254	2455010172	Dương Viết Tuệ	2024CN4	3,67	93	22	600.000		
255	2455010124	Tạ Khánh Ly	2024CN4	3,53	93	22		400.000	
256	2455010072	Trần Thị Mai Hậu	2024CN4	3,4	95	22		400.000	
		Số tiền					45.600.000	72.000.000	
		Số sinh viên					76	180	
		Tổng tiền					117.600.000		

Bảng chữ: Một trăm mười bảy triệu sáu trăm ngàn đồng./.

Bằng chữ: Một trăm mười bảy triệu sáu trăm ngàn đồng./.

Sal

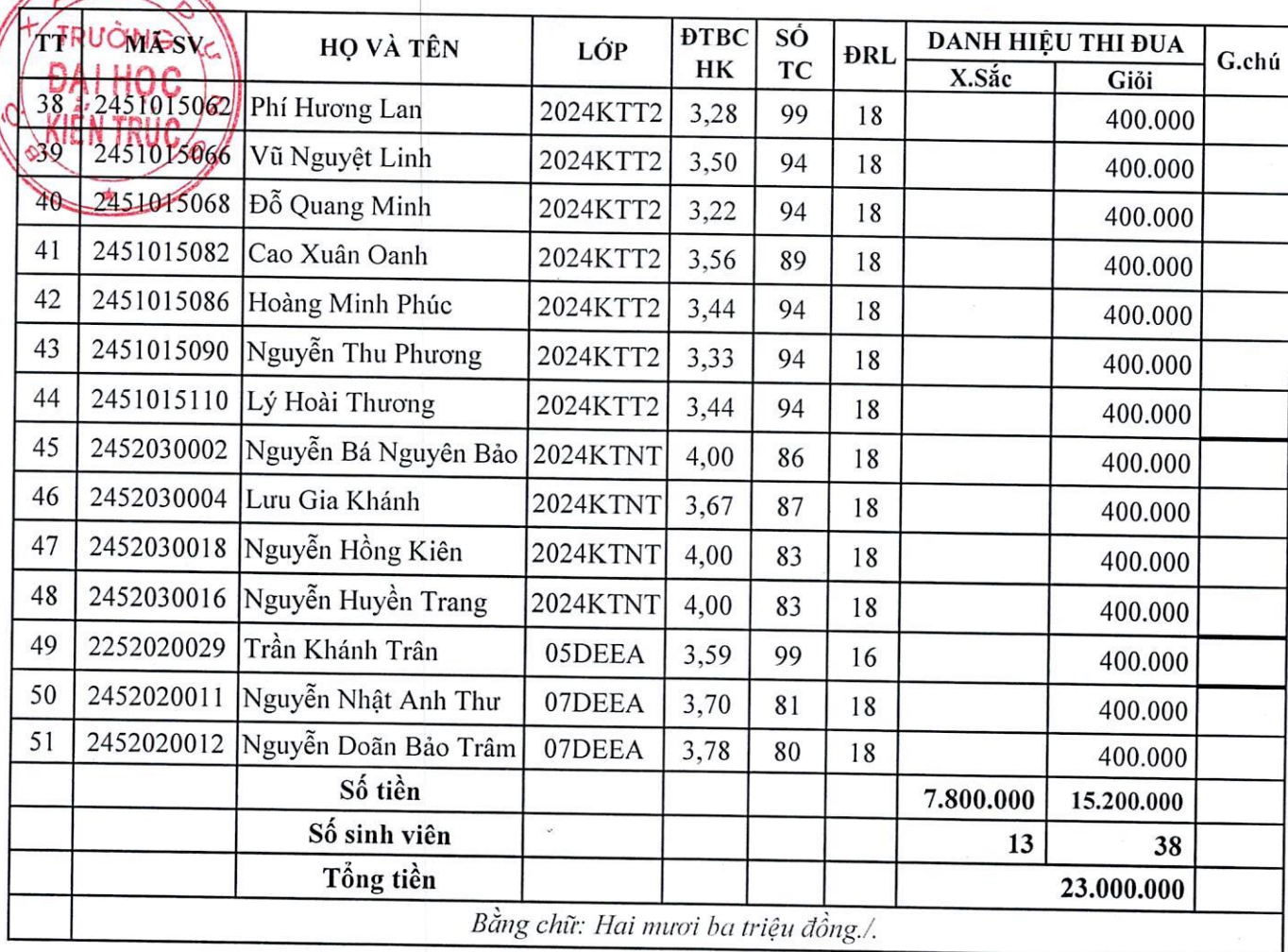


DANH SÁCH SINH VIÊN VIỆN ĐÀO TẠO VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ
ĐẠT DANH HIỆU: KHÁ, GIỎI, XUẤT SẮC HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024 - 2025
(Kèm theo QĐ 296/QĐ-ĐHKT-CT-CTSV ngày 09 tháng 10 năm 2025)

Đơn vị tính: Đồng

TT	MÃ SV	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐTB HK	SỐ TC	ĐRL	DANH HIỆU THI ĐUA		G.chú
							X.Sắc	Giỏi	
1	2151015012	Nguyễn Hà Châu	2021KTT1	3,21	80	14		400.000	
2	2151015111	Đặng Trần Ngọc Sáng	2021KTT1	3,29	89	14		400.000	
3	2151015149	Đỗ Quang Vũ	2021KTT1	3,27	91	14		400.000	
4	2151015027	Nguyễn Tiến Đạt	2021KTT3	3,57	94	14		400.000	
5	2151015152	Đặng Tuấn Khải	2021KTT3	3,21	94	14		400.000	
6	2151015155	Trần Khánh Linh	2021KTT3	3,36	94	14		400.000	
7	2151015164	Nguyễn Như Minh Nguyên	2021KTT3	3,21	84	14		400.000	
8	2151015159	Lê Thu Thủy	2021KTT3	3,21	84	14		400.000	
9	2251015008	Nguyễn Thị Hồng Ánh	2022KTT	3,89	90	19	600.000		
10	2251015067	Nguyễn Quế Bằng	2022KTT	3,68	80	19		400.000	
11	2251015010	Nguyễn Kim Chi	2022KTT	3,79	85	19		400.000	
12	2251015011	Đồng Thủy Dung	2022KTT	4,00	85	19		400.000	
13	2251015075	Nguyễn Bá Duy	2022KTT	3,74	84	19		400.000	
14	2251015027	Vũ Ngọc Khuê	2022KTT	3,89	85	19		400.000	
15	2251015035	Hoàng Trọng Đức Minh	2022KTT	3,68	95	19	600.000		
16	2251015059	Mai Minh Trang	2022KTT	3,68	90	19	600.000		
17	2351015019	Lê Minh Hoàng	2023KTT	4,00	100	19	600.000		
18	2351015047	Lê Thúy Quỳnh	2023KTT	3,74	90	19	600.000		
19	2351015061	Trần Anh Việt	2023KTT	3,74	95	19	600.000		
20	2351015064	Nguyễn Vương Bảo Anh	2023KTT	3,42	80	19		400.000	
21	2351015009	Nguyễn Hà Chi	2023KTT	3,47	81	19		400.000	
22	2351015018	Nguyễn Văn Hoàn	2023KTT	3,42	89	19		400.000	
23	2351015022	Doãn Thanh Hưng	2023KTT	3,37	80	19		400.000	
24	2351015065	Phan Nguyễn Quang Hưng	2023KTT	3,32	99	19		400.000	
25	2351015025	Vũ Minh Khoa	2023KTT	3,47	80	19		400.000	
26	2451015105	Nguyễn Phương Thảo	2024KTT1	3,67	100	18	600.000		
27	2451015007	Lê Ngọc Anh	2024KTT1	3,32	89	18		400.000	
28	2451015111	Vũ Thùy Trang	2024KTT1	3,22	98	18		400.000	
29	2451015024	Phạm Linh Chi	2024KTT2	3,61	94	18	600.000		
30	2451015026	Đào Đức Chiến	2024KTT2	3,61	94	18	600.000		
31	2451015036	Nguyễn Thái Dương	2024KTT2	3,61	84	18		400.000	
32	2451015080	Vũ Thanh Nhân	2024KTT2	3,83	95	18		400.000	
33	2451015104	Lê Thu Thảo	2024KTT2	3,72	94	18	600.000		
34	2451015096	Ngô Minh Tiến	2024KTT2	3,61	94	18	600.000		
35	2451015112	Lê Huyền Trâm	2024KTT2	3,67	94	18	600.000		
36	2451015100	Nguyễn Công Tuyển	2024KTT2	3,61	94	18	600.000		
37	2451015050	Phí Hoàng Hải	2024KTT2	3,33	89	18		400.000	

Ấn



Bằng chữ: Hai mươi ba triệu đồng./.